TRƯỜNG TRUNG CẤP QUỐC TẾ MEKONG

GIÁO TRÌNH

MÔN HỌC: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

NGÀNH: Y SĨ, DƯỢC SĨ

TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

Ban hành kèm theo Quyết định số…… /2022/QĐ-TCQTMK ngày … tháng … năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Quốc tế Mekong

Thành phố Cần Thơ, năm 2022

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

LỜI GIỚI THIỆU

Căn cứ Thông tư số 24/ 2018/ TT – BLĐTBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 về ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu Trường Trung cấp Quốc tế Mekong, Bộ môn Khoa học cơ bản tổ chức biên soạn cuốn Giáo trình Giáo dục chính trị, dùng cho trình độ trung cấp với các đối tượng y sĩ, dược sĩ của Trường;

Giáo trình này dựa vào cuốn tài liệu dạy học môn Giáo dục chính trị trong chương trình đào tạo trung cấp, kèm theo Công văn số 147/TCGDNN-ĐTCQ ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Tổng cục Giáo dục nghềnghiệp. Đồng thời cập nhật những tư liệu mới trong các tài liệu để học sinh học tập, nghiên cứu;

Bộ môn xin trân trọng giới thiệu cuốn Giáo trình Giáo dục chính trị trình độ trung cấp để người học nắm bắt được một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về môn học;

Trong quá trình biên soạn, mặc dù đã có nhiều cố gắng, song khó tránh khỏi những thiếu sót cả về hình thức lẫn nội dung. Ban biên soạn mong nhận được những ý kiến đóng xây dựng của giáo viên và học sinh để cuốn sách ngày càng hoàn thiện hơn./.

Cần Thơ, ngày 25 tháng 5 năm 2022

Tham gia biên soạn

1. Chủ biên : DS. CKII. Nguyễn Văn Ảnh
2. CN. Phan Đình Huệ

MỤC LỤC

GIÁO TRÌNH 1

BÀI 1: KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN 1

BÀI 2: KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 13

BÀI 3: NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG 25

BÀI 4: PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI 39

Ở VIỆT NAM 39

BÀI 5: TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI 55

CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT 55

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ
Mã môn học: MH01
Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thảo luận: 13 giờ; kiểm tra: 02 giờ *(01 bài thường xuyên, 01 bài định kỳ)*)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Về kỹ năng

Vận dụng được được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. Nội dung môn học

1. 1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	1	1		
2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin	4	2	2	
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	5	3	2	
4	Kiểm tra	1			1
5	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng ViệtNam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	3	2	
6	Bài 4: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	10	5	5	
7	Bài 5: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	3	1	2	
8	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	**30**	**15**	**13**	**02**

BÀI 1: KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

Giới thiệu:

Chủ nghĩa Mác – Lênin là một trong những đối tượng nghiên cứu của môn Giáo dục chính trị. Trong bài này, chúng ta sẽ hiểu chủ nghĩa Mác – Lênin là gi? Nội dung cơ bản và vai trò chủ nghĩa Mác – Lênin như thế nào.

Mục tiêu:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, nội dung cơ bản, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội;

- Bước đầu vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề của cá nhân và xã hội.

Nội dung chính:

1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết do C.Mác, Ph. Ăngghen sáng lập từ những năm giữa thế kỷ XIX, được V.I.Lênin bổ sung, phát triển vào đầu thế kỷ XX. *Chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ thống lý luận thống nhất được cấu thành từ ba bộphận lý luận cơ bản là triết học Mác-Lênin, kinh tế chính trị học Mác-Lênin và chủnghĩa xã hội khoa học. Chủ nghĩa Mác-Lênin là hệ thống lý luận khoa học thống nhất về mục tiêu, con đường, biện pháp, lực lượng thực hiện sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng xã hội, giải phóng con người, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.*

Ba bộ phận cấu thành của Mác- Lênin có vị trí, vai trò khác nhau nhoịng là một thể thống nhất nêu rõ mục tiêu, con đường, lực lượng, phương thức giải phóngxã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Triết học Mác-Lênin là khoa học về những quy luật chung nhất của tự nhiên,xã hội và tư duy; có vai trò trang bị cho con người cách nhìn khoa học và phương pháp đúng đắn để nhận thức, cải tạo và phát triển thế giới.

Kinh tế chính trị học Mác-Lênin là khoa học nghiên cứu các quan hệ xã hội của sản xuất và trao đổi trong quan hệ biện chứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng tương ứng của phương thức sản xuất nhất định.

Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những quy luật chính trị-xã hội, những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, những con đường và hình thức, phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhằm thực hiện sự chuyển hóa từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

- Nguồn gốc hình thành chủ nghĩa Mác

Về kinh tế-xã hội: Nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa giữa thế kỷ XIX pháttriển mạnh ở nhiều nước Tây Âu. Sự ra đời và phát triển của giai cấp vô sản với tínhcách là lực lượng chính trị độc lập là nhân tố quan trọng ra đời chủ nghĩa Mác.

Về tư tưởng lý luận là những đỉnh cao về triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị

học cổ điển ở Anh và chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán ở Pháp.

Về khoa học là những phát minh về khoa học tự nhiên như thuyết tiến hóa giống loài của Đác-uyn, thuyết bảo toàn và chuyển hóa năng lượng của Lô-mô-nô-xốp; học thuyết về tế bào của các nhà khoa học Đức. Các học thuyết này là cơ sở củng cố chủ nghĩa duy vật biện chứng - cơ sở phương pháp luận của học thuyết Mác.

- *Nhân tố chủ quan:* C.Mác (1818-1883), Ph.Ăng-ghen (1820-1895) là những thiên tài trên nhiều lĩnh vực. Hai ông đã nghiên cứu kỹ xã hội tư bản, kế thừa, tiếp thu có chọn lọc và phát triển những tiền đề tư tưởng lý luận, khoa học, phát hiện ra sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân và sáng lập rahọc thuyết mang tên mình.

- Ba giai đoạn phát triển của chủ nghĩa Mác- Lênin

Giai đoạn C.Mác, Ph.Ăng-ghen (1848-1895). Tháng 2-1848, tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* do hai ông dự thảo đoợc *Đồng minh những người cộng sản* thông qua, mở đầu sự ra đời chủ nghĩa Mác. Sau đó hai ông đã viết nhiều tác phẩm, xây dựng nên học thuyết khoa học với ba bộ phận triết học, kinh tế chínhtrị học và chủ nghĩa xã hội khoa học.

V.I.Lênin phát triển chủ nghĩa Mác (1895-1924): V.I.Lênin (1870-1924) đã đấu tranh, bảo vệ và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác trong giai đoạn chủ nghĩa đế quốc. Người đã lãnh đạo thắng lợi Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, pháttriển nhiều vấn đề lý luận mới về xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sau khi V.I.Lênin mất, Quốc tế Cộng sản đã bổ sung, gọi chủ nghĩa Mác là chủ nghĩa Mác-Lênin.

Từ năm 1924 đến nay, các Đảng cộng sản và công nhân trên thế giới coi chủ nghĩa Mác-Lênin là nền tảng tư tưởng để vận dụng, bổ sung, phát triển, xây dựng đường lối cách mạng phù hợp với thực tiễn đất nước.

2. Các bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin

2.1. Triết học Mác - Lênin

2.1.1. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

Chủ nghĩa duy vật biện chứng do C.Mác và Ph.Ăngghen sáng lập quan niệmmọi sự vật, hiện tượng trong thế giới rất đa dạng nhng bản chất là sự tồn tại của vật chất thông qua các sự vật cụ thể. Vật chất là cái có trước, ý thức là cái có sau, vật chất quyết định ý thức, còn ý thức chỉ là sự phản ánh một phần thế giới vật chất vào đầu óc con người.

Vận động là phương thức tồn tại của vật chất nên vận động của vật chất là vĩnh viễn vì đó là sự vận động tự thân, do mâu thuẫn bên trong quyết định. Có 5 hình thức cơ bản của vận động là vận động cơ học, lý học, hoá học, sinh học và vận động xã hội. Vận động xã hội là hình thức vận động cao nhất vì nó là sự vận động các chế độ xã hội thông qua con người.

Ý thức là sự phản ánh tích cực, sáng tạo hiện thực khách quan của óc người, gồm ba yếu tố cơ bản nhất là tri thức, tình cảm và ý chí của con người. Do tâm, sinh lý, mục đích, yêu cầu, động cơ và điều kiện mỗi người khác nhau nên cùng hiện thực khách quan nhưng ý thức con người có thể khác nhau.

Vật chất và ý thức có mối quan hệ biện chứng, trong đó vật chất quyết định nguồn

gốc, nội dung, bản chất và sự vận động của ý thức. Ý thức có tính độc lập tương đối và tác động tích cực trở lại vật chất thông qua hoạt động thực tiễn của con người.

- Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật là:

+ *Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến* khẳng định thế giới có vô vàn các sự vật, hiện tượng tồn tại trong mối liên hệ tương hỗ, ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp với nhau. Có mối liên hệ bên trong, bên ngoài, mối liên hệ chung, liên hệ riêng; có mối liên hệ trực tiếp, có mối liên hệ gián tiếp, thông qua trung gian. Vì vậy phải có quan điểm toàn diện để xem xét các mối liên hệ bản chất, bên trong sự vật, hiện tượng.

+ *Nguyên lý về sự phát triển* khẳng định mọi sự vật, hiện tượng luôn luôn vận động và phát triển không ngừng. Có những vận động diễn ra theo khuynh hướng đi lên, đi xuống, vòng tròn, lặp lại hoặc xoáy ốc đi lên. Phát triển là khuynh hướng vận động từ thấp lên cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện theo chiều hướng đi lên. Vì vậy cần nhận thức sự vật, hiện tượng theo xu hướng vận động, đổi mới phát triển.

- *Những quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật*

+ *Quy luật từ những sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại*

Quy luật này chỉ ra về cách thức vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội và tư duy. Mọi sự vật, hiện tượng đều gồm hai mặt đốilập chất và lượng. Chất là các thuộc tính khách quan, vốn có của các sự vật, hiện tượng; còn lượng là chỉ số các yếu tố cấu thành, quy mô tồn tại và nhịp điệu biến đổi của chúng. Tương ứng với một lượng thì cũng có một chất nhất định và ngượclại. Lượng biến đổi sẽ dẫn đến mâu thuẫn, phá vỡ chất cũ, chất mới ra đời với lượng mới. Lượng mới lại tiếp tục biến đổi đến giới hạn nào đó lại phá vỡ chất cũ.Sự thay đổi về lượng đều có thể dẫn tới những sự thay đổi về chất và ngược lại tạora sự vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng.

+ *Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập*

Quy luật này vạch ra nguồn gốc, động lực của sự phát triển và là hạt nhân của phép biện chứng duy vật. Theo quy luật này, mọi sự vật, hiện tượng đều là thể thống nhất của các mặt đối lập có liên hệ với nhau, thâm nhập vào nhau, tác động qua lại lẫn nhau, làm tiền đề tồn tại cho nhau. Sự thống nhất các mặt đối lập là tọƚơng đối; đấu tranh giữa các mặt đối lập là tuyệt đối. Các mặt đối lập vận động trái chiều nhau, không ngừng tác động, ảnh hưởng đến nhau, làm sự vật, hiện tượng biến đổi, phát triển.

+ *Quy luật phủ định của phủ định*

Quy luật này vạch ra khuynh hướng vận động, phát triển của sự vật . Thế giới vật chất tồn tại, vận động phát triển không ngừng. Sự vật, hiện tượng nào đó xuất hiện, mất đi, thay thế bằng sự vật, hiện tượng khác. Sự thay thế đó gọi là phủ định.

Phủ định biện chứng là sự tự phủ định do mâu thuẫn bên trong sự vật, Cái mới phủ định cái cũ, nhưng cái mới sẽ không phải là mới mãi, nó sẽ cũ đi và bị cáimới khác phủ định; không có lần phủ định cuối cùng. Cái cũ tuy bị thay thế nhọƚng vẫn còn lại những yếu tố, đôi khi mạnh hơn cái mới. Cái mới còn non yếu chọƚa có khả năng thắng ngay cái cũ. Vận động phát triển đi lên, là xu hướng chung của thế giới, nhưng không

diễn ra theo đường thẳng tắp, mà diễn ra theo đường xoáy ốc, quanh co phức tạp.

- *Lý luận nhận thức*

Nhận thức là một hoạt động của con người, là quá trình phản ánh chủ động, tích cực, sáng tạo thế giới khách quan vào trong đầu óc người. Hoạt động nhận thức được thực hiện thông qua thực tiễn, lấy thực tiễn làm cơ sở, là mục đích, độnglực và là tiêu chuẩn xác định tính đúng đắn của nhận thức.

Chủ thể nhận thức là con người nhưng thường bị chi phối bởi điều kiện lịchsử, về kinh tế, chính trị -xã hội, truyền thống văn hoá; đặc điểm tâm sinh lý, đặc biệt là năng lực nhận thức, tư duy của chủ thể.

Nhận thức của con người không phải là thụ động mà là chủ động, tích cực, sáng tạo, đi từ biết ít đến biết nhiều, từ biết hiện tượng đến hiểu bản chất sự vật, từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng.

Nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính là hai giai đoạn của một quá trình nhận thức có liên hệ mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau. Giai đoạn nhận thức cảm tính, nhận thức hiện thực trực tiếp thế giới khách quan, nhưng đó chỉ là nhận thức những hiện tượng bề ngoài, giản đơn. Nhận thức lý tính chỉ ra những mối liên hệ bản chất, tất yếu bên trong, vạch ra quy luật vận động phát triển của sự vật, hiện tượng. Nhận thức cảm tính là tiền đề, điều kiện của nhận thức lý tính. Nhận thức lýtính khi đã hình thành sẽ tác động trở lại làm cho nhận thức cảm tính nhạy bén hơn, chính xác hơn. Tư duy trừu tượng phản ánh gián tiếp hiện thực nên phải kiểmnghiệm trong thực tiễn để phân biệt đúng, sai.

- *Thực tiễn và vai trò của nó đối với nhận thức*

Thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất của con người nhằm cải tạo thế giới khách quan để phục vụ nhu cầu của con người. Hoạt động thực tiễn thể hiện qua bahình thức cơ bản là hoạt động sản xuất vật chất; hoạt động chính trị-xã hội và hoạt động thực nghiệm khoa học. Trong đó, hoạt động sản xuất ra của cải vật chất là hoạt động cơ bản nhất vì nó quyết định sự tồn tại và phát triển xã hội.

Thực tiễn là cơ sở, nguồn gốc của nhận thức,cung cấp những tài liệu hiện thực, khách quan, làm cơ sở để con người nhận thức. Thực tiễn là động lực và mụcđích của nhận thức; là tiêu chuẩn của chân lý

2.1.2. Chủ nghĩa duy vật lịch sử

Chủ nghĩa duy vật lịch sử bao gồm những quy luật vận động, phát triển của xã hội.

- *Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất*

Con người hoạt động sản xuất ra của cải vật chất, tinh thần và sản xuất ra chính con người. Để tồn tại và phát triển, trước tiên con người phải ăn, uống, ở vàmặc trước khi có thể làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo, sinh sản... Muốnvậy, họ phải lao động sản xuất ra của cải vật chất.

Phương thức sản xuất là cách thức tiến hành sản xuất vật chất trong một giaiđoạn nhất định của lịch sử. Mỗi phương thức sản xuất gồm hai mặt cấu thành là lựclượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

Lực lượng sản xuất là mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên, là trìnhđộ chinh phục tự nhiên của con người. Lực lượng sản xuất bao gồm tư liệu sản xuất và người lao động. Tư liệu sản xuất gồm đối tượng lao động và công cụ lao động, trong đó công cụ lao động là yếu tố động nhất, luôn đổi mới theo sự phát triển của sản xuất.

Quan hệ sản xuất là mối quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất, bao gồm quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất, tổ chức, quản lý và phân phối sản phẩm lao động; trong đó quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất đóng vai trò quyết định nhất.

Trong mỗi phương thức sản xuất, lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất gắn bó hữu cơ với nhau. Lực lượng sản xuất như thế nào về trình độ phát triển thì quan hệ sản xuất phù hợp như thế ấy. Khi trình độ lực lượng sản xuất phát triển, thay đổi thì quan hệ sản xuất cũng thay đổi theo. Đến mức độ nào đó, quan hệ sản xuất cũ không còn phù hợp nữa, nó sẽ mâu thuẫn và cản trở lực lượng sản xuất. Đểtiếp tục phát triển, lực lượng sản xuất phải phá vỡ quan hệ sản xuất cũ, thiết lập quan hệ sản xuất mới, phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất.

- Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

Cơ sở hạ tầng là toàn bộ những quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu bao gồm quan hệ sản xuất thống trị, quan hệ sản xuất còn lại của hình thái kinh tế-xã hội trước đó và quan hệ sản xuất của hình thái kinh tế-xã hội tương lai. Trong đó quanhệ sản xuất thống trị giữ vai trò chủ đạo và chi phối các quan hệ sản xuất khác.

Kiến trúc thượng tầng là toàn bộ những quan điểm tư tưởng chính trị, pháp quyền, đạo đức, nghệ thuật, tôn giáo, triết học... và những thiết chế tương ứng nhưnhà nước, đảng phái, giáo hội, các tổ chức quần chúng..., được hình thành trên cơ sở hạ tầng nhất định và phản ánh cơ sở hạ tầng đó. Cơ sở hạ tầng thế nào thì kiến trúc thượng tầng được xây dựng tương ứng. Quan hệ sản xuất nào thống trị thì tạora kiến trúc thượng tầng chính trị phù hợp với nó. Khi cơ sở hạ tầng biến đổi, kiến trúc thượng tầng biến đổi theo. Biến đổi cơ sở hạ tầng, sớm hay muộn cũng dẫn tớibiến đổi kiến trúc thượng tầng. Kiến trúc thượng tầng tác động trở lại, bảo vệ cơ sởhạ tầng đã sinh ra nó. Trong các bộ phận của kiến trúc thượng tầng, Nhà nước có vai trò quan trọng và có hiệu lực mạnh nhất vì Nhà nước là công cụ quản lý hiệu quả của giai cấp thống trị đối với xã hội

Cách mạng xã hội là bước nhảy vọt về chất trong sự phát triển xã hội, là sự thay thế hình thái kinh tế-xã hội này bằng hình thái kinh tế-xã hội khác, tiến bộhơn. Trong cách mạng xã hội, quần chúng nhân dân là động lực cơ bản. Quần chúng nhân dân là người sáng tạo ra mọi của cải vật chất và tinh thần cho xã hội, tạo điều kiện cho sự phát triển xã hội,...là lực lượng quyết định sự phát triển của lịch sử xã hội.

2.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

2.2.1. Học thuyết giá trị và giá trị thặng dư

- *Học thuyết giá trị* là xuất phát điểm trong toàn bộ lý luận kinh tế của C.Mác. Bằng việc phân tích hàng hoá, C.Mác đã vạch ra quan hệ giữa người với người thông qua quan hệ trao đổi hàng hoá, đó chính là lao động, cơ sở của giá trị hàng hoá.

Hàng hoá là sản phẩm của lao động, dùng để thoả mãn nhu cầu của con người thông qua trao đổi mua bán. Hàng hoá có hai thuộc tính cơ bản là giá trị sử dụng và giá

trị trao đổi. Giá trị sử dụng của hàng hoá là công dụng của hàng hoá đểthoả mãn nhu cầu nào đó của con người. Giá trị trao đổi là một tỷ lệ, theo đó nhữnggiá trị sử dụng loại này được trao đổi với những giá trị sử dụng loại khác.

Giá trị của hàng hoá là lượng lao động xã hội được đo bằng thời gian lao động xã hội cần thiết của người sản xuất hàng hoá. Để trao đổi hàng hoá đó với nhau phải căn cứ vào giá trị xã hội của hàng hoá đó.

Thời gian lao động xã hội cần thiết là thời gian cần thiết để sản xuất ra một hàng hoá trong điều kiện bình thường của xã hội, với một trình độ kỹ thuật trung bình và cường độ lao động trung bình trong điều kiện xã hội nhất định.

Năng suất lao động xã hội là năng lực sản xuất của lao động được tính bằng số lượng sản phẩm được sản xuất ra trong một đơn vị thời gian hoặc lượng thời gian cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm. Lao động giản đơn là lao động của bất kỳ một người bình thường nào có khả năng lao động cũng có thể thực hiệnđược. Lao động phức tạp là lao động đòi hỏi phải được huấn luyện đào tạo thành lao động lành nghề.

Việc sản xuất và trao đổi hàng hoá tất yếu sẽ dẫn đến sự xuất hiện của tiền. Tiền, về bản chất, là một loại hàng hóa đặc biệt, là vật ngang giá chung, thước đo giá trị trong trao đổi hàng hóa; là kết quả của quá trình phát triển của sản xuất và trao đổi hàng hóa. Tiền xuất hiện là yếu tố ngang giá chung, là hình thái biểu hiện giá trị của hàng hóa.

Giá trị của hàng hóa biểu hiện ra bên ngoài dợới hình thức tiền là giá cả của hàng hóa đó. Giá trị là cơ sở của giá cả, còn giá cả là sự biểu hiện bằng tiền của giátrị, phụ thuộc vào giá trị. Hàng hoá nào nhiều giá trị thì giá cả của nó sẽ cao và ngược lại. Tuy nhiên ngoài giá trị, giá cả còn phụ thuộc vào các yếu tố khác nhợ sức cạnh tranh, cung cầu, sức mua của người tiêu dùng…

Học thuyết giá trị thặng dư. Học thuyết giá trị thặng dư là "*hòn đá tảng*" trong toàn bộ học thuyết kinh tế của C.Mác, là đóng góp to lớn của ông trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Nó chỉ ra bản chất bóc lột của phương thức sản xuất tư bảnchủ nghĩa.

Nội dung cơ bản của học thuyết là: Sản xuất hàng hóa phát triển đến một mứcđộ nhất định thì tiền biến thành tư bản. Công thức của lưu thông hàng hóa giản đơnlà Hàng-Tiền - Hàng, nghĩa là bán một hàng hóa đi để mua một hàng hóa khác....

Công thức chung của lưu thông tư bản là Tiền –Hàng -Tiền nhiều hơn, nghĩa là muađể bán nhằm có thêm lợi nhuận. Phần tiền tăng thêm so với số tiền lúc đầu bỏ vào lưu thông gọi là giá trị thặng dư.

Học thuyết giá trị thặng dư của C. Mác đã chỉ rõ nguồn gốc sinh ra giá trị thặng dư cho nhà tư bản khi nhà tư bản thuê công nhân, tức mua được loại hàng hóa đặc biệt là hàng hóa sức lao động. Giá trị hàng hoá sức lao động bao gồm giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết đủ để duy trì sức khoẻ của người lao động ở trạng tháibình thường; chi phí đào tạo tuỳ theo tính chất phức tạp của lao động; giá trị tư liệusinh hoạt cho con cái của người lao động. Trên thực tế, giá trị của hàng hóa sức laođộng được thể hiện bằng tiền công, tiền lương, là sự biểu thị bằng tiền giá trị sức lao động, hay là giá cả của sức lao động.

Giá trị sử dụng của hàng hoá sức lao động được thể hiện trong quá trình laođộng. Sức lao động tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân nó, phần giá trị dôi ra so với giá trị sức lao động là giá trị thặng dư. Nhà tư bản sử dụng hàng hóa sức lao động của người công nhân, tạo lợi nhuận ngày càng nhiều cho chủ tư bản.

Nhà tư bản thường sử dụng phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đốido kéo dài thời gian lao động tất yếu và sản xuất giá trị thặng dư tương đối là giá trị thặng dư thu được nhờ rút ngắn thời gian lao động tất yếu do ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động xã hội.Sản xuất ra giá trị thặng dư là quy luật tuyệt đối, là cơ sở tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản.

Học thuyết giá trị thặng dư đã vạch rõ bản chất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa; chứng minh khoa học về cách thức bóc lột giai cấp công nhân của giai cấp tư sản và luận chứng những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản.

Dưới chủ nghĩa xã hội, nhất là trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, học thuyết giá trị thặng dư vẫn có giá trị. Cần quan tâm ứng dụng khoa học-công nghệ hiện đại, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, không ngừng cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động... để tạo ra nhiều giá trị thặng dư, vừa để nâng cao thunhập của mình, vừa mang lại lợi ích, xây dựng cơ sở vật chất nhiều hơn cho xã hội.

2.2.2. Về chủ nghĩa tư bản độc quyền

Chủ nghĩa tư bản độc quyền với 5 đặc điểm kinh tế cơ bản:

Một là, sự tích tụ, tập trung sản xuất và tập trung tư bản với quy mô lớn với sự liên minh giữa các nhà tư bản để nắm trong tay phần lớn việc sản xuất và tiêu thụ hàng hoá.

Hai là, sự tích tụ và tập trung tư bản ngân hàng ra đời các tổ chức độc quyềnngân hàng. Tư bản công nghiệp và tư bản ngân hàng hợp tác hình thành tập đoàn tư bản tài chính có tiềm lực vốn và lực lượng sản xuất rất mạnh.

Ba là, xuất khẩu tư bản để các nhà tư bản tài chính tiến hành khai thác sức lao động, tài nguyên thiên nhiên,... ở các nước chậm phát triển dọới hình thức đầu tọ xây dựng nhà máy, doanh nghiệp, tổ chức sản xuất hoặc cho vay.

Bốn là, sự phân chia thị trọờng thế giới về kinh tế giữa các tổ chức độc quyền để độc chiếm nguồn nguyên liệu, quy mô sản xuất, định ra giá cả độc quyền cao.

Năm là, sự phân chia thế giới về lãnh thổ, thực chất là phân chia thế giới về kinh tế giữa các cường quốc tư bản. Biểu hiện ở việc các nước đế quốc xâm chiếmthuộc địa, độc chiếm nguồn nguyên liệu, thị trờng tiêu thụ hàng hoá và thiết lập căn cứ quân sự khống chế các nước khác.

Chủ nghĩa tư bản độc quyền ra đời đã thúc đẩy nền sản xuất hàng hoá phát triển đạt tới mức cao nhất trong lịch sử sản xuất của nhân loại. Mặt tiêu cực của sự ra đời chủ nghĩa tư bản độc quyền là gắn với quá trình bóc lột chiếm lợi nhuận caothể hiện rõ dưới nhiều hình thức. Các cuộc khủng hoảng kinh tế trong xã hội tư bảnhiện đại kéo dài, trầm trọng hơn. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động với giai cấp tư sản ngày càng sâu sắc. Sự cạnh tranh kinh tế quyết liệt giữa các nước tư bản với nhau, các nước tư bản với các nước đang pháttriển là nguy cơ tiềm ẩn dẫn đến xung đột và chiến tranh đe dọa hòa bình và ổn định của thế giới.

2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3.1. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác-Lênin đã dùng khái niệm giai cấp công nhân, giai cấp vô sản, giai cấp công nhân hiện đại để chỉ lực lượng những người lao động không phải chủ sở hữu của tư liệu sản xuất mà phải bán sức lao động, nhận tiền

lương; tạo ra giá trị thặng dư làm giàu cho nhà tư bản và xã hội. Giai cấpcông nhân ra đời, phát triển cùng với sự phát triển của nền sản xuất đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa thế kỷ XIX.

Ngày nay, trong bối cảnh cách mạng khoa học và công nghệ và kinh tế tri thức, khái niệm giai cấp công nhân được mở rộng hơn, "*là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp, hoặcsản xuất kinh doanh và dịch vụ có tính chất công nghiệp"*[1].

- *Đặc điểm của giai cấp công nhân*

Giai cấp công nhân ra đời và lớn lên cùng với sự phát triển của đại công nghiệp và cách mạng khoa học và công nghệ, họ đại biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến, có *tính chất tiên tiến*, gắn với xu hướng phát triển của xã hội.

Trong cuộc đấu tranh của mình, giai cấp công nhân có tinh thần cách mạng triệt để không chỉ để giải phóng mình mà còn giải phóng toàn bộ xã hội...

Giai cấp công nhân lao động trong hệ thống sản xuất có tính chất dây chuyền công nghiệp, có thói quen của lối sống ở đô thị tập trung, tuân thủ các quy định củacộng đồng, pháp luật của nhà nước nên họ có tính chất tổ chức kỷ luật cao.

Sản xuất công nghiệp và khoa học và công nghệ có tính chất quốc tế nên giaicấp công nhân có tính chất quốc tế.

- *Về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân*

Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là giai cấp tiên phong, lực lọợng đi đầu trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng thành công hình thái kinh tế - xã hội xã hội chủ nghĩa và cuối cùng là cộng sản chủ nghĩa.

Về kinh tế, giai cấp công nhân là người đại diện phương thức sản xuất tiến bộ nhất thuộc về xu thế phát triển xã hội. Giai cấp công nhân là nhân tố hàng đầu của lực lượng sản xuất có tính chất xã hội hóa ngày càng cao và quan hệ sản xuất mới phù hợp dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Giai cấp công nhân có điều kiện đoàn kết với nhau trong cuộc đấu tranh xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, thiết lập chế động công hữu xã hội chủ nghĩa.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân đã trở thành người chủ đất nước, là lực lượng đi đầu lãnh đạo nhân dân lao động cuộc đấu tranh xóa bỏ chế độáp bức bất công và nghèo nàn lạc hậu bằng đẩy mạnh công nghiệp hóa, thực hiện một kiểu tổ chức mới về lao động, có năng suất ngày càng cao, với các nguyên tắc sở hữu tư liệu sản xuất mới, cách thức quản lý sản xuất và tổ chức phân phối sản phẩm phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Về chính trị, giai cấp công nhân có điều kiện khách quan đứng ở vị trí trung tâm, lãnh đạo và đoàn kết các giai cấp, tầng lớp khác trong cuộc đấu tranh chốnglại giai cấp tư sản, giành lấy chính quyền, tổ chức xây dựng chế độ mới, chế độ xã hội chủ nghĩa

[1] Đảng CSVN: *Văn kiện Hội nghị BCH TƯ Đảng lần thứ 6*, khoá X, Nxb CTQG. HN, 2009. tr. 287

và cộng sản chủ nghĩa

Về văn hóa, tư tưởng, giai cấp công nhân tiến hành cuộc cách mạng văn hóa tư tưởng, cải tạo những tư tưởng, tàn dư của xã hội cũ, xây dựng hệ tư tưởng củachủ nghĩa Mác-Lênin, xây dựng nền văn hóa mới trở thành nền tảng tinh thần của xã hội; xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa có đạo đức, lối sống mới xã hội chủ nghĩa.

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân *Việt Nam* ngày nay là thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng Việt Nam "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản.

- Tất yếu hình thành chính đảng của giai cấp công nhân

Ngay từ khi mới ra đời, giai cấp công nhân đã phải đấu tranh với giai cấp tưsản để bảo vệ quyền lợi của mình. Sự thất bại của phong trào công nhân tự phát giữa thế kỷ XIX khách quan đòi hỏi có lý luận khoa học dẫn đường và đảng chính trị tiền phong lãnh đạo. Sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin và phong trào công nhân tất yếu ra đời chính đảng của giai cấp công nhân. Đó là quy luật chung ra đời đảng cộng sản- chính đảng của giai cấp công nhân ở các nước tư bản phát triển.

Chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân. Đảng có tổ chức chặt chẽ, bao gồm những người tiên tiến về mặt nhận thức và gương mẫu về mặt hành động trong giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Đảng cộng sản được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; có lý luận tiền phong là chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng. Đảng cộng sản lãnh đạo giai cấp công nhân tự giác nhận thức rõ mục tiêu, con đường, biện pháp đấu tranh cách mạng, thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình là lãnh đạo toàn xã hội đấu tranh xoá bỏ chế độ xã hội cũ, xây dựng chế độ xã hội mới, xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

2.3.2. Cách mạng xã hội chủ nghĩa

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là tất yếu khách quan do mâu thuẫn gay gắtgiữa lực lượng sản xuất mang tính xã hội hoá cao với tính chất tư nhân tư bản chủnghĩa, biểu hiện về mặt xã hội là mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản. Cách mạng xã hội chủ nghĩa không diễn ra tự phát. Chỉ khi giai cấp công nhâncó lý luận dẫn đường, nhận thức được sứ mệnh lịch sử của mình, có đội tiên phong là đảng cộng sản lãnh đạo, giai cấp công nhân mới có thể tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa là khối đoàn kết, liên minh công nông, trí thức và các tầng lớp lao động khác do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực chính trị, chủ yếu là đảng cộng sản lãnh đạo giai cấp công nhân và các lực lượng nhân dân lao động đấu tranh lật đổ chính quyền tư sản, thiết lập quyền lực chính trị về tay mình, xây dựng kiến trúc thượng tầng xã hội chủ nghĩa; hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Trên lĩnh vực kinh tế, nhiệm vụ trọng tâm là phát triển lực lượng sản xuất, tiến hành công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội; xây dựng quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; xây dựng và phát huy quyền làm chủ của ngọời lao động đối với tư liệu sản xuất; cải thiện đời sống nhân dân.

Trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa là tiến hành giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin trở thành hệ tư tưởng chủ đạo trong xã hội, xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa; xây

dựng con người mới, xây dựng đạo đức, lối sống mới xã hội chủ nghĩa.

2.3.3. Sự phát triển của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa

Chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa phát triển từ thấp lên cao; giai đoạn đầu là xã hội chủ nghĩa, giai đoạn cao là cộng sản chủ nghĩa. Trước khi đến giai đoạn sau là thời kỳ quá độ để cải biến cáchmạng từ xã hội trước sang xã hội sau.

Về thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội

Theo chủ nghĩa Mác-Lênin, quá trình chuyển biến từ xã hội tư bản chủ nghĩasang xã hội xã hội chủ nghĩa tất yếu phải trải qua thời kỳ quá độ để cải biến toàn diện và triệt để trên tất cả các lĩnh vực về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Đặc điểm của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là tồn tại đan xennhững yếu tố của xã hội cũ chưa xoá bỏ hết và những nhân tố mới trên các lĩnh vựcchính trị, kinh tế, văn hoá-xã hội vừa mới xây dựng chưa đầy đủ, còn non yếu. Xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa là quá trình mới mẻ, chưa có tiền lệ, nhiều khó khăn và phức tạp nên không thể tiến hành xong trong thời gian ngắn. Cần có thời kỳ quá độ để giai cấp công nhân và nhân dân lao động lãnh đạo xây dựng, từng bước hoàn thiện về chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội, con người.

Thời kỳ quá độ dài ngắn khác nhau vì phụ thuộc vào trình độ phát triển của mỗi nước, điều kiện, hoàn cảnh quốc tế và xu thế thời đại.

Về chính trị, trong thời kỳ quá độ, kẻ thù vừa bị đánh đổ luôn có sự cấu kết trong, ngoài nước tiếp tục chống phá; đấu tranh giai cấp vẫn còn tiếp tục ưhìnhthức mới, trong điều kiện mới. Cần xây dựng, củng cố nhà nước xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân và sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc; tăng cường quốc phòng, an ninh, xây dựng đảng cộng sản vững mạnh đủ sức lãnh đạo toàn xã hội đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực và mọi âm mọu, hành động chống phá cách mạng của các thế lực thù địch, xây dựng chế độ mới xã hội chủ nghĩa.

Về kinh tế, cần có thời gian để cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệsản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Trong đó cần thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần. Các thành phần kinh tế dưới sự quản lý của nhà nọước tồn tại và phát triển trong mối quan hệ vừa cạnh tranh, vừa hỗ trợ nhau thúc đẩy nền sản xuất pháttriển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cần thực hiện chính sách thu hút vốn đầu tư của tư bản nước ngoài và sử dụng chuyên gia tư sản vào sản xuất. Cần phát triểncác hợp tác xã, sử dụng và phát triển kinh tế tư nhân để nó trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội.

Về tư tưởng văn hoá, trong thời kỳ quá độ bên cạnh hệ tư tưởng chủ nghĩa Mác-Lênin đang xây dựng, còn tồn tại tư tưởng tư sản, tiểu tư sản, phong kiến, tiểunông và các luồng tư tưởng du nhập từ bên ngoài.... Vì vậy cần có đẩy mạnh hoạt động đấu tranh tư tưởng, khắc phục những tệ nạn xã hội do xã hội cũ để lại; xây dựng nền văn hoá mới xã hội chủ nghĩa; từng bước xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Theo V.I.Lênin, những nước kinh tế kém phát triển có thể quá độ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Để thực hiện bước quá độ đó, cần phải có sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, có sự đoàn kết toàn dân tộc và sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến.

Về xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa

Theo chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội là giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản có những đặc trưng cơ bản là: Có cơ sở vật chất - kỹ thuật là nền công nghiệp phát triển ở trình độ hiện đại với năng suất lao động cao hơn hẳn xã hội tư bản. Có chế độ công hữu về tư liệu sản xuất dưới nhiều hình thức; không còn chế độ người bóc lột người. Cách tổ chức lao động và kỷ luật lao động trên tinh thần tựgiác, tự nguyện, bình đẳng. Có nhiều hình thức phân phối, trong đó thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động và phân phối theo phúc lợi xã hội ngày càng tăng. Có nền văn hóa mới tiên tiến, phong phú, đa dạng; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, bình đẳng, có điều kiện phát triển toàn diện. Các dân tộc đoàn kết, bình đẳng cùng phát triển. Xã hội do nhân dân làm chủ, Nhà nước có tínhnhân dân, tính dân tộc sâu sắc. Có quan hệ quốc tế rộng rãi theo chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Xã hội cộng sản chủ nghĩa là xã hội có những đặc trưng cơ bản: Lực lượng sản xuất với khoa học kỹ thuật phát triển rất cao, của cải xã hội làm ra rất dồi dào, mọi người "*làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu*". Con người phát triển tự do vàtoàn diện năng lực của mình. Lao động trở thành nhu cầu của con người ngày càngđoợc giảm nhẹ. Xã hội ngày càng phát triển ở trình độ văn minh; không còn sự khác nhau giữa các giai cấp, các tầng lớp; không còn sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay. Nhân dân làm chủ ở mức độ rất cao. Những thiết chế chính trị và pháp luật sẽ dần dần mất đi, nhà nước trở thành không cần thiết, tự tiêu vong.

3. Vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của chủ nghĩa Mác - Lênin

3.1. Bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin

Chủ nghĩa Mác-Lênin là một hệ thống lý luận khoa học, thể hiện trongtoàn bộ ba bộ phận cấu thành học thuyết

Triết học Mác-Lênin trang bị cho con ngoời thế giới quan khoa học và phương pháp luận đúng đắn để nhận thức, cải tạo và phát triển thế giới.

Kinh tế chính trị học Mác-Lênin chỉ rõ những quy luật kinh tế doới chủ nghĩa tư bản, trong thời kỳ quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội và và dưới chủ nghĩaxã hội.

Chủ nghĩa xã hội khoa học là lý luận về về cách mạng xã hội chủ nghĩa; làm rõ lực lượng xã hội to lớn để thực hiện sự nghiệp đó là giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản, người lãnh đạo toàn xãhội đấu tranh xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa và xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là học thuyết duy nhất nêu rõ mục tiêu, con đường, lực lượng, phương thức giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người

Chủ nghĩa Mác-Lênin là học thuyết duy nhất, nêu rõ mục tiêu xây dựng xã hội tốt đẹp trên toàn thế giới; chỉ rõ phương hướng, lực lượng, phương thức để giải phóng toàn xã hội khỏi mọi bất công, áp bức; giải phóng mọi giai cấp thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, giải phóng con người khỏi mọi sự ràng buộc của chủ nghĩa cá nhân, đi tới tự do.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là một học thuyết mở, sống động, không ngừng tự phê phán, tự đổi mới, bổ sung và phát triển trong thực tiễn cách mạng

Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết mang tính chất cách mạng, không chỉ giải thích thế giới, mà còn cải tạo và xây dựng xã hội mới tốt đẹp. Học thuyết này luôn sống động, nó có khả năng tự phê phán, đổi mới, bổ sung và phát triển.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là học thuyết cách mạng, có ý nghĩa thực tiễn, khôngchỉ giải thích thế giới mà là cải tạo xã hội, xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là học thuyết cách mạng với vai trò là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của các đảng cộng sản trong cải tạo xã hội cũ trên các lĩnh vực, xây dựng xã hội hiện thực- xã hội xã hội chủ nghĩa.

3.2. Chủ nghĩa Mác-Lênin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của các đảng cộng sản

Cho đến ngày nay, chủ nghĩa Mác-Lênin lan rộng toàn thế giới và trở thành học thuyết phổ biến trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc. Hàng trăm đảng cộng sản và công nhân ra đời ở nhiều nước, đưa chủ nghĩa Mác - Lênin vào quần chúng, trở thành lực lượng vật chất to lớn cho các phong trào cách mạng. Chủ nghĩa Mác-Lênin là nền tảng tư tưởng , kim chỉ nam cho hành động của các đảng cộng sản trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế phong trào giải phóng dân tộc.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là hệ tư tưởng, là cơ sở lý luận của các đảng cộng sảntrong việc hoạch định Cương lĩnh, đường lối lãnh đạo cách mạng; là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, là hệ tư tưởng chủ đạo trong các hoạt động tinh thần của xã hội; là định hướng chủ đạo trong tư duy mỗi người trong cuộc đấu tranh giành chính quyền và trong cách mạng xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định, cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân.

CÂU HỎI

1. Hãy cho biết những gì bổ ích trong nhận thức của mình qua học tậpTriết học Mác-Lênin,?

2. Hãy cho biết những gì bổ ích trong nhận thức của mình qua học tập Kinh tế chính trị Mác-Lênin?

3. Hãy cho biết những gì bổ ích trong nhận thức của mình qua học tập Chủnghĩa xã hội khoa học?

BÀI 2: KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Giới thiệu:

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (6/1991) Đảng ta đã khẳng định: Đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Trong suốt chiều dài của lịch sử, chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là ngọn cờ bách chiến, bách thắng của dân tộc. Và ngày nay, cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã nhân rộng trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Việc học tập và nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh là cần thiết với mọi công dân. Để hiểu rõ hơn cơ sở, quá trình hình thành, nội dung cũng như giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh như thế nào chúng ta cùng tìm hiểu trong bài này.

Mục tiêu:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số điểm cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;

- Có nhận thức đúng đắn, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và phong cách của cá nhân.

Nội dung chính:

1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

- *Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh* lần đầu tiên được sử dụng trong Văn kiệnĐại hội lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam (1991) và ngày càng được xác định rõ hơn. Đại hội lần thứ XI của Đảng (2011) viết: "*Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sựnghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi"*[2].

- *Nguồn gốc và nhân tố chủ quan hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh*

Nguồn gốc thực tiễn: Thực dân Pháp xâm lược Việt Nam từ năm 1858, đến năm 1884 chúng thiết lập sự thống trị trên toàn cõi Việt Nam. Nhân dân Việt Nam mất nước trở thành nô lệ, bị đàn áp, bóc lột, cuộc sống vô cùng khổ cực. Không cam chịu khổ nhục, các cuộc khởi nghĩa chống Pháp đã liên tục nổ ra nhưng đều bịđàn áp đẫm máu và cuối cùng đều thất bại.

Khi đó, trên thế giới xuất hiện chủ nghĩa Lênin. V.I.Lênin đã bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác thành chủ nghĩa Mác- Lênin. V.I.Lênin đã lãnh đạo thắng lợi Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, và thành lập Quốc tế Cộng sản (3-1919), thúc đẩy sự truyền

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, HàNội, 2011, tr. 88

bá rộng rãi chủ nghĩa Mác-Lênin và ra đời hàng chục đảng cộngsản ở nhiều nước.

Tiếp thu truyền thống quý báu của dân tộc, quê hương và gia đình: Nguyễn Sinh Cung sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo, yêu nợớc tại xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Người sớm được học tại trường tiểu học Đông Ba,Quốc Học Huế, sớm suy ngẫm về sự thất bại của các phong trào yêu nước. Truyền thống tốt đẹp của dân tộc, quê hương và gia đình là nguồn gốc hình thành tư tưởngHồ Chí Minh.

Tinh hóa văn hóa phương Đông và phương Tây: Khi còn nhỏ, Nguyễn Tất Thành đã sớm được cha dạy chữ Hán và Nho giáo. Qua phương Tây, Người đã tiếpthu được những tư tưởng của cách mạng Mỹ (1776), Đại cách mạng Pháp (1789), đạo đức của Thiên chúa giáo, chủ nghĩa Tam dân ở Trung quốc… Đây là mộttrong tiền đề hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là nguồn gốc tư tưởng, lý luận chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ một người yêu nước, Nguyễn Ái Quốc tiếp thu và đi theo chủ nghĩa Mác-Lênin, trở thành người cộng sản (1920). Đi theo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh có bước chuyển về chất, có giá trị vượt trội hơn tất cả các trào lưu tư tưởng yêu nước Việt Nam trước đó.

Nhân tố chủ quan: Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về sự bền bỉ, không ngừng tích lũy tri thức, mẫu mực về đạo đức cách mạng, về phong cách lãnh đạo, làm việc, ứng xử,...Những phẩm chất cá nhân của Người là tiền đề, là nguồn gốc,là điều kiện để tiếp nhận chủ nghĩa Mác-Lênin, các tư tưởng tiến bộ trên thế giới, hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh.

- *Quá trình hình thành*

+ Thời kỳ niên thiếu đến khi ra nước ngoài (1890-1911)

Hồ Chí Minh, khi sinh ra tên là Nguyễn Sinh Cung, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1890 tại làng Hoàng Trù, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Năm 1895, Người theo cha vào Huế, học tại trường tiểu học Đông Ba, trường Quốc họcHuế với tên gọi là Nguyễn Tất Thành. Cuối năm 1910, Người từ biệt cha, dạy học ở trường Dục Thanh, Phan Thiết, sau đó vào Sài Gòn. Trong thời kỳ này, Nguyễn Tất Thành tiếp thu những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, quê hương và gia đình;được học văn hóa, tận mắt thấy và hiểu rõ nỗi khổ nhục của người dân mất nước vàchứng kiến sự thất bại của các cuộc khởi nghĩa chống Pháp. Ngày 5 tháng 6 năm 1911, từ bến Nhà Rồng, Người lấy tên Văn Ba làm phụ bếp trên chuyến tàu buôn của Pháp ra nước ngoài.

+ Thời kỳ trải nghiệm cuộc sống và đến với chủ nghĩa Mác- Lênin (1911-1920)

Năm 1911, với tên gọi Văn Ba, Người đi qua nhiều nợớc và đến sống ở Mỹ (1912-1913), sống ở Anh (1914-1917) và về sống ở Pháp (1917-1923). Thời kỳnày trong tư tưởng của Người đã hình thành tình cảm thương yêu những người laođộng nghèo khổ.

Vào cuối năm 1917, Người trở lại nước Pháp, hoạt động trong những ngườiViệt Nam yêu nước ở Pari, Pháp. Người hướng về Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 và tiếp xúc với nhiều nhà cách mạng các nước ở Pháp.

Tại Paris, tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc được đọc "*Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*" của V.I.Lênin và tìm thấy ở đây con đường cách mạng vô sản. Từ đó, Người hoàn toàn tin theo V.I.Lênin, tán thành theo Quốc tế Cộng sản, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12-1920) và trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên.

+Thời kỳ hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc (1921-1930)

Sau những năm hoạt động ở Pháp, năm 1923, Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô, dự các hội nghị do Quốc tế Cộng sản tổ chức; dự các khoá bồi dưỡng lý luận và nghiên cứu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô. Cuối năm 1924, Người về Quảng Châu, Trung Quốc. Những năm 1925 -1927, Người thành lập Hội Việt Namcách mạng thanh niên và và trực tiếp huấn luyện cán bộ của Hội; xuất bản tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927). Đây là thời kỳ hoạt động sôi nổi, hiệu quả của Nguyễn Ái Quốc trên cả phương diện lý luận và thực tiễn; chuẩn bị chu đáo về chính trị, tư tưởng và tổ chức, cán bộ cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.Đến đây tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam đã cơ bản hình thành.

+ Thời kỳ vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam (1930-1941) . Người bị bắt và cầm tù trong nhà tù của thực dân Anh ở Hồng Công (1931-1932). Sau khi thoát khỏi nhà tù của thực dân Anh, năm 1934, Người trở lại Liên Xô. Dù gặp một số khó khăn, Người vẫn kiên định lập trường, giữ vững quan điểm, đường lối cách mạng của Đảng về đấu tranh giành độc lập dân tộc theo con đường cách mạng vô sản.

Tháng 10- 1938, Hồ Chí Minh rời Liên Xô, qua Trung Quốc để trở về Việt Nam. Ngày 28-1-1941, sau 30 năm xa Tổ quốc, tìm đường cứu nước, Người trở vềPắc Bó, Cao Bằng. Tại đây, Hồ Chí Minh đã chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ Tám (5-1941), đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu và chuẩn bị mọi mặt để giành chính quyền.

+ Thời kỳ phát triển hoàn thiện tư tưởng về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam (1941-1969). Đây là thời kỳ tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng cơ bản là thống nhất. Hồ Chí Minh đã sáng lập Mặt trận Việt Minh (5-1941), Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam (12-1944); chủ trì Hội nghị cán bộ toàn quốc của Đảng và Đại hội Quốc dân Tân Trào tại Tuyên Quang, phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám 1945. Thời kỳ 1945-1954, với cương vị là Chủ tịch nước, Ngườiđã đưa đất nước vượt ra khỏi tình trạng ví như "ngàn cân treo sợi tóc" và là linh hồn đuacuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đi đến thắng lợi. Từ năm 1954 đến năm 1969, Hồ Chí Minh bổ sung phát triển hoàn thiện tư tưởng đồng thời tiến hành hia nhiệm vụ chiến lọ̣ợc, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiếp tục cách mang dân tộc, dân chủ ở miền Nam.

Hồ Chí Minh qua đời (2-9-1969), Ngọ̣ời để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta bản *Di chúc* lịch sử, khẳng định sự tất thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, hoạch định cả một chương trình lớn xây dựng và phát triển đất nước sau chiến tranh.

2. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

Đại hội đại biểu lần thứ IX của Đảng (4-2001) khẳng định: *"Tư tưởng Hồ Chí Minh* là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách

mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lậpdân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về phát triển kinh tế và văn hoá, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân"[3].

Trong bài này chỉ khái quát một số nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

Trước ách đô hộ của thực dân Pháp, Hồ Chí Minh khẳng định, "*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản*". "*Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy*". Dù khó khăn, gian khổ, nhân dân Việt Nam nhất định đấu tranh giành độc lập và thốngnhất Tổ quốc. Người đã khái quát chân lý của các dân tộc "*Không có gì quý hơn độc lập, tự do!*".

Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩaxã hội là một chế độ hoàn chỉnh, nhân dân lao động thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, mọi người đều có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc; có đời sống vật chất và văn hoá, tinh thần cao; có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước.

Hồ Chí Minh chỉ ra "*Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một cuộc đấu tranh cách mạng phức tạp, gian khổ và lâu dài*" . Đó là quá trình khó khăn, lâu dài, không thể một sớm một chiều, phải đấu tranh rất gay go, quyết liệt, lâu dài, phải tiến dần từng bước vững chắc.

2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân

Theo Hồ Chí Minh "Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Trên thếgiới không có lực lượng nào mạnh bằng sức mạnh đại đoàn kết của toàn dân". Dânkhí mạnh thì binh lính nào, súng ống nào cũng không địch nổi. "Dễ mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong". "Nước ta là nước dân chủ,nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ", "Chế độ ta là chế độ *dân chủ.* Tức là nhân dân làm chủ", "Nước ta là nợớc dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ". Dân là chủ, nghĩa là mọi quyền hành đều ở nơi dân, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ. Đảng, Chính phủ, cán bộ, đảng

[3] Đảng CSVN: Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. Nxb. CTQG, HN. 2001, tr.83,84

viên là đày tớ và làm đày tớ cho dân. Dân chủ cần được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Theo Hồ Chí Minh, Nhà nước của dân là tất cả mọi quyền lực trong Nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân. Nhà nước do dân là Nhà nước do dântạo ra và nhân dân tham gia quản lý. Nhà nước vì dân là Nhà nước lấy lợi ích chínhđáng của nhân dân làm mục tiêu. Tất cả hoạt động của Nhà nước đều vì lợi ích củanhân dân, ngoài ra, không có lợi ích nào khác.

Theo Hồ Chí Minh, mọi quyền dân chủ của người dân phải được thể chế hóabằng hiến pháp và pháp luật; ngược lại, hệ thống pháp luật phải bảo đảm cho quyền tự do, dân chủ của người dân được tôn trọng trong thực tế. Hồ Chí Minh đặcbiệt quan tâm đến xây dựng một nền pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm được việc thực thi quyền lực của nhân dân. Người yêu cầu tăng cường tính nghiêm minhcủa pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, đề cao vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên.

2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân

Hồ Chí Minh luôn khẳng định đoàn kết toàn dân mới phát huy cao nhất sức mạnh "*Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi*"; "*Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công*"; "*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công*"... Theo Người, cần đoàn kết rộng rãi với tất cả những ngườiyêu nước, không phân biệt tầng lớp, thành phần dân tộc, tín ngưỡng, chính kiến....

Đoàn kết phải lâu dài, vì mục đích chung là tán thành hòa bình, thống nhất, độclập, dân chủ... Để đoàn kết toàn dân tộc cần phải có niềm tin vào nhân dân, đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung. Đoàn kết toàn dân tộc phải được quán triệt trong mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, phải được thực hiện thông qua Mặt trận dân tộc thống nhất; đoàn kết trong Đảng là hạt nhân để đoàn kết mọi người trong toàn xã hội.

2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

Theo Hồ Chí Minh, muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội phải phát triển kinh tế. Tục ngữ có câu "Có thực mới vực được đạo", vì thế kinh tế phải đi trước một bước. Phát triển kinh tế là tiền đề, là cơ sở cho sự phát triển văn hoá, xoá bỏ nghèonàn và lạc hậu. Muốn có chủ nghĩa xã hội thì không có cách nào khác là phải dốc lực lượng của mọi người ra để sản xuất". Nhưng sản xuất cần gắn với phân phối công bằng hợp lý: "Làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm thì không được hưởng. Những người già yếu hoặc tàn tật sẽ được Nhà nước giúp đỡ chăm nom".

Mục tiêu phát triển kinh tế, theo Hồ Chí Minh là vì con người, để mọi người dân có ăn, có mặc, có chỗ ở và được học hành. Muốn thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậuvà yếu hèn, phải phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa. Phát triển kinh tế, diệt giặc đói, đồng thời phải diệt giặc dốt, vì "một dân tộc dốt là một dân tộc yếu". Chủ nghĩa xã hội là nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Trong Di chúc, Người dặn, Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhândân.

Hồ Chí Minh coi con người là vốn quý nhất, nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng. Con người là mục tiêu của cách mạng, mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ đều vì lợi ích chính đáng của con người, "Vì lợi ích

trăm năm phải trồng người", "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội cần có con người xã hội chủ nghĩa". Muốn thực hiện chiến lợợc "trồng người", cầncó nhiều biện pháp, nhưng giáo dục-đào tạo là biện pháp quan trọng bậc nhất. Nội dung và phương pháp giáo dục phải toàn diện, cả đức, trí, thể, mỹ; phải đặt đạo đức, lý tưởng và tình cảm cách mạng, lối sống xã hội chủ nghĩa lên hàng đầu. "Trồng người" là công việc "trăm năm", không thể nóng vội một sớm một chiều vàbản thân mỗi người đều phải tu dưỡng, rèn luyện suốt đời.

2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng

Hồ Chí Minh cho rằng, đạo đức có vai trò rất quan trọng. Đạo đức là gốc, là nền tảng của con người, của xã hội giống như gốc của cây, nguồn của sông suối. Cóđạo đức cách mạng mới làm được những việc cao cả, vẻ vang. Đạo đức cùng với tàinăng của mỗi người đều quan trọng, nhưng đạo đức giữ vai trò là cái gốc của ngườicách mạng. Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó, nhưng có tài mà không có đức là người vô dụng.

Về chuẩn mực đạo đức cách mạng, theo tư tưởng Hồ Chí Minh,

Trước hết, là phẩm chất trung với nước, hiếu với dân.

Thứ hai là yêu thương con người, yêu thương mọi người, nhất là những người lao động nghèo khổ.

Thứ ba là cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư: Đây là chuẩn mực đạo đức trung tâm, là những đức tính cần thiết, là thước đo bản chất của mỗi con người.

Thứ tư, có tinh thần quốc tế trong sáng, là biết tôn trọng, ủng hộ, quyền bình đẳng dân tộc, chống áp bức, bất công, chống sự thù hằn, phân biệt chủng tộc, đoàn kết quốc tế.

Về con đường rèn luyện đạo đức, theo Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng không phải là thứ có sẵn, không phải trên trời sa xuống, mà do tu dưỡng, rèn luyệnmà nên, cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong. Vì vậy cần quán triệt các nguyên tắc cơ bản xây dựng đạo đức cách mạng:

Thứ nhất, nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức trước mọi người.

Thứ hai, xây dựng đạođức cách mạng phải gắn liền với đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, thứ giặc "nội xâm", là đồng minh của kẻ thù.

Thứ ba, phải tu dưỡng đạo đức thường xuyên, liêntục, suốt đời. Muốn rèn luyện đạo đức phải lấy phấn đấu tự mình làm mực thước; nêu tấm gương tốt để giáo dục lẫn nhau; gắn với việc rèn luyện đạo đức với thực tiễn công tác của mình.

2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

Hồ Chí Minh coi trọng và đánh giá cao vai trò của tuổi trẻ "Tuổi trẻ là mùa xuân của nhân loại"; thanh niên là ngợời chủ tương lai của nước nhà, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do thanh niên. Trong Di chúc, Người dặn, "Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cầnthiết".

Hồ Chí Minh yêu cầu phải chú trọng giáo dục và học tập đủ các mặt đạo đứccách mạng, văn hóa, kỹ thuật, lao động và sản xuất. Giáo dục thế hệ trẻ trên tất cả các mặt

"đức, trí, thể, mỹ", giáo dục ý chí, đạo đức cách mạng, trình độ chính trị, học vấn, khoa học, kỹ thuật và quân sự; nếp sống văn hóa, thể chất cho tuổi trẻ.

Theo Hồ Chí Minh, phương pháp giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ phải phù hợp với đối tượng, giáo dục là một khoa học. Giáo dục phải theo hoàn cảnh, điều kiện, phải có kế hoạch từng bước. Giáo dục phải gắn liền với xã hội, học đi đôi vớihành. Giáo dục phải phục vụ đường lối chính trị của Đảng và Chính phủ, gắn liền với sản xuất và đời sống của nhân dân. Giáo dục phải phối hợp nhà trường - xã hội và gia đình. Trường học, gia đình và đoàn thể thanh niên cần phải phải liên hệ chặtchẽ trong việc giáo dục tư tưởng, thái độ, hoạt động và sinh hoạt hàng ngày của thanh niên.

Theo Hồ Chí Minh, cần thực hiện dân chủ, bình đẳng trong giáo dục. Dân chủ nhưng trò phải kính thầy, thầy phải quý trò, đoàn kết thật chặt chẽ giữa thầy vàthầy, giữa thầy và trò, giữa học trò với nhau, giữa cán bộ các cấp, giữa nhà trường và nhân dân để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ cách mạng

Giáo dục phải gắn liền với thi đua dạy thật tốt, học thật tốt. Giáo dục thế hệ trẻ phải thực hiện phương pháp nêu gương. Trong nhà trường, thầy nêu gương chotrò. Tri thức dạy phải dễ hiểu, dễ nhớ, học mau. Thầy cô giáo phải làm kiểu mẫu cho các em.

3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, đã được kiểm nghiệm trong giải quyết thành công những vấn đề mới do thực tiễn cách mạng Việt Nam đặt ra. Hệ thống những quan điểm lý luận, tư tưởng về chiến lược, sách lược cách mạng dân tộc dânchủ nhân dân đã dẫn đến những thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam.

Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta. Tư tưởng của Người đang được hiện thực hóa trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Tư tưởng Hồ Chí Minh đã thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm của nhân dân Việt Nam. Đảng ta khẳng định, cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở lý luận để xác định mục tiêu, phương hướng, giải pháp trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Việc khẳng định lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta.

Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ có giá trị đối với cách mạng Việt Nam màcòn phản ánh khát vọng thời đại là giải phóng dân tộc thuộc địa, là hòa bình, hợp tác, hữu nghị giữa các dân tộc. Tư tưởng và cuộc đời hoạt động cách mạng phong phú của Người là tấm gương sáng cổ vũ các dân tộc trên thế giới tham gia cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, hòa bình và tiến bộ xã hội.

4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cáchHồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

4.1.1. Nội dung đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

- Nội dung đạo đức Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh là tấm gương mẫu mực về thực hành đạo đức, thống nhất tư tưởng đạo đức và hành vi đạo đức, nói đi đôi với làm, cụ thể ở các nội dung sau:

Suốt đời trung với nước, hiếu với dân là nguyên tắc hoạt động, là tình cảm trong suốt cuộc đời cách mạng của Hồ Chí Minh. Người là tấm gương dành trọn cả đời phấn đấu hy sinh để thực hiện một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũngcó cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.

Hồ Chí Minh luôn có tinh thần lạc quan cách mạng, tin tưởng vào sức mạnh của con người, vào chính nghĩa. Điều đó đã giúp cho Người có ý chí, nghị lực tinh thần to lớn, vượt qua mọi khó khăn, thử thách để đạt được mục đích. Người từng làm nhiều nghề nghiệp khác nhau để kiếm sống và nghiên cứu, tìm hiểu về cách mạng các nước. Trong hoạt động cách mạng, Người đã hai lần bị vào tù, bị án tử hình, gặp nhiều nguy hiểm, khó khăn nhưng Người vẫn kiên trì "đeo đuổi một mụcđích, làm cho ích quốc lợi dân".

Hồ Chí Minh là tấm gương mẫu mực hết lòng thương yêu, quý trọng, phục vụ nhân dân. Đối với Người, từ việc nhỏ đến lớn đều vì nhân dân; ở bất kỳ cương vị nào cũng vì nhân dân mà phục vụ. Theo Người, "Việc gì có lợi cho nhân dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân, phải hết sức tránh". Người luôn tìm cách chăm lo nâng cao dân sinh, dân trí; không ngừng thực hành dân chủ. Người nóinếu để dân đói, dân rét thì Đảng và Chính phủ đều có lỗi với dân.

Hồ Chí Minh là người có tấm lòng nhân ái, vị tha, khoan dung, nhân hậu, luôn hết mình đấu tranh vì độc lập, tự do, vì giải phóng con người. Trong *Di chúc*, Người viết: "*Đầu tiên là công việc đối với con người"*. Người thương đoàn dân công đêm nay ngủ ngoài rừng, trải lá cây làm chiếu, manh áo mỏng làm chăn, thương các cụ già, thương đàn em nhỏ còn đói rách.. Ngay đối với kẻ thù xâm lược, dù đã gây bao tội ác, nhưng khi chúng bị bắt, Người vẫn căn dặn cán bộ, chiến sĩ ta phải đối xử khoan hồng, làm cho thế giới thấy dân tộc Việt Nam tiến bộ, văn minh hơn bọn đi giết người, cướp nước.

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và hết sức khiêm tốn là tấm gương mẫu mực của Hồ Chí Minh. Người là điển hình về thực hành tiết kiệm trong ăn, mặc, ở, đi lại và các vật dụng sinh hoạt hàng ngày... Tiết kiệm đã trở thành thói quen, nếp sống, sinh hoạt đời thọời của Người. Là người đứng đầu Đảng, Nhà nước, Hồ Chí Minh luôn giữ mình liêm khiết, trong sạch. Ngọời luôn khuyến khích, động viên để hướng con người tới cáitốt đẹp, mới mẻ. Người là một tấm gương đấu tranh chống lại cái ác, cái xấu, cái tiêu cực, nhất là chủ nghĩa cá nhân, thói tham ô, lãng phí, quan liêu. Người luôn giáo dục, cảnh tỉnh cán bộ, đảng viên không được lên mặt "quan cách mạng", luônphòng tránh những sai lầm, cám dỗ đời thường, không ngã gục trước đồng tiền.

- Nội dung phong cách Hồ Chí Minh

Phong cách tư duy của Hồ Chí Minh là phong cách tư duy khoa học, cách mạng,

độc lập, tự chủ và sáng tạo. Người thường xuất phát từ thực tiễn, khái quát kinh nghiệm, thành lý luận và tác động trở lại biến đổi thực tiễn. Người có tầm nhìn xa, trông rộng, tìm ra cái bản chất, tính quy luật nên có nhiều dự báo thiên tài.Người luôn xuất phát từ chân lý phổ biến, những "lẽ phải không ai chối cãi được" để nhận thức và lý giải những vấn đề của thực tiễn đất nước. Người có phong cáchtư duy đổi mới, sáng tạo, không chấp nhận lối mòn của tư duy cũ. Người ví tư tưởng bảo thủ như là sợi dây cột chân, cột tay người ta..., muốn tiến bộ phải có tinhthần mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm.

Phong cách làm việc của Hồ Chí Minh rất khoa học, có kế hoạch và hiệuquả. Người làm việc gì cũng có điều tra, nghiên cứu, thu thập thông tin, số liệu, để nắm chắc thực chất tình hình. Trong việc đặt kế hoạch, Người thường nói "không nên tham lam, phải thiết thực, vừa sức, từ thấp đến cao", "chớ làm kế hoạch đẹp mắt, to tát… nhưng không thực hiện được". Hồ Chí Minh là mẫu mực của phong cách làm việc chính xác, đúng giờ. Trong các cuộc họp, Người thường không để ai phải đợi mình mà chủ động đến trước.

Phong cách lãnh đạo của Hồ Chí Minh thể hiện ở Người sự tuân thủ nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; đi đúng đường lối quần chúng; lãnh đạo bằng nêu gương. Người luôn lắng nghe ý kiến của mọi người và thường nói, lãnh đạo phải biết động viên, khuyến khích khiến cho mọi người cả gan nói ra, cả gan đề ra ý kiến. Phải làm cho cấp dưới không sợ nói sự thật và cấp trên không sợ nghe sự thật. Theo Người, sau khi nghị quyết đã được banhành, phải tổ chức tốt để nó đi vào cuộc sống; phải kiểm tra, kiểm soát cụ thể, thường xuyên, "*phải đi tận nơi, xem tận chỗ*". Người thường xuyên đi thăm các địaphương, công trường, xí nghiệp, hợp tác xã, đơn vị bộ đội… để xem xét tình hình, kiểm tra công việc. Người luôn giữ phong cách nêu gương và đòi hỏi, mỗi cán bộ, đảng viên phải làm kiểu mẫu trong công tác và lối sống, trong mọi lúc, mọi nơi, nói phải đi đôi với làm để quần chúng noi theo.

Phong cách diễn đạt của Hồ Chí Minh thể hiện qua cách nói, cách viết giản dị, cụ thể, thiết thực; diễn đạt ngắn gọn, cô đọng, hàm súc, trong sáng và sinhđộng, có lượng thông tin cao. Phong cách viết của Người thường ngắn gọn. Ví dụ chỉ với 9 chữ "Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị", Người đã khái quát được giai đoạn đầy biến động của đất nước từ tháng 3 đến tháng 8 năm 1945. Bác đúc kết ngắn gọn, diễn đạt như câu châm ngôn như "Nước lấy dân làm gốc", "Không có gì quý hơn độc lập, tự do"... Người thường chọn cách nói, cách viết sinh động, gần gũi với quần chúng, có hình ảnh ví von, so sánh như dùng "con đỉa hai vòi" để nói về bản chất của chủ nghĩa đế quốc.. Người thường nhấn mạnh khi nói, khi viết phải hiểu rõ nói và viết cho ai? nói và viết để làm gì? Nói và viết như thế nào? Cần nói và viết được cái tư tưởng và lòng ước ao của quần chúng.

Phong cách ứng xử Hồ Chí Minh được thể hiện nhất quán trong các mối quan hệ với tự mình, với công việc và với mọi người. Người thể hiện rõ đức tính khiêm tốn, không bao giờ đặt mình cao hơn người khác, mà trái lại, luôn hòa nhã, lịch thiệp, quan tâm đến những người xung quanh. Phong cách ứng xử tự nhiên, chân tình, nồng hậu, linh hoạt, chủ động, biến hoá; vui vẻ hoà nhã với mọi người, ứng xử uyển chuyển, có lý có tình. Người đã xoá nhoà mọi khoảng cách lãnh tụ và nhân dân. Mỗi khi Bác Hồ xuất hiện ở đâu là ở đó rộn rã lên niềm vui, có sự phấn khởi và hòa đồng của tất cả mọi người.

Phong cách sinh hoạt đời thường của Hồ Chí Minh rất giản dị. Người thích lối ăn uống đạm bạc, điều độ, mang tính truyền thống dân tộc. Mỗi khi ăn xong, Người thường tự sắp xếp lại mâm, bát cho gọn, thể hiện sự tôn trọng với người phục vụ. Có "của ngon,

vật lạ", Người thường chia sẻ với những người cùng đi, để phần cho người đi vắng…

Quần áo và cách mặc của Hồ Chí Minh rất bình dị. Người thường dùng bộ quần áo bằng kaki, bằng lụa, đôi dép cao su, cái quạt lá cọ. Cổ áo và tay áo đã sờn, đôi tất chân hở ngón cái, Người vẫn không chịu cho thay cái mới... Người muốn chỗ ở gần gũi với thiên nhiên, "trên có núi, dưới có sông; có đất ta trồng, có bãi ta chơi; nhà thoáng ráo, kín mái; gần dân, không gần đường". Trong sinh hoạt đời thường, việc gì có thể làm, Người đều tự làm lấy, không muốn phiền người khác. Mỗi khi đi công tác đến cơ sở, Người ít khi báo trước, hoặc yêu cầu địa phương không được tổ chức đón tiếp linh đình; cán bộ đi theo phải chuẩn bị mọi thứ đi theođể ăn nếu làm việc quá giờ. Những người được sống bên Bác cho biết chưa bao giờthấy Người nổi nóng hay phàn nàn về thời tiết; luôn bình thản, vui vẻ, điềm đạm trong cuộc sống và công việc. Người luôn giữ vững, yêu quý và tự hào về truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

4.1.2. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh là sự kết tinh của những giá trị quý báu của truyền thống của dân tộc, tinh hoa văn hóa thế giới. Năm 1987, Đại hội đồng UNESCO đã thông qua Nghị quyết 24C/18.65 về Kỷ niệm 100 năm Ngàysinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào năm 1990 với tư cách là "Anh hùng giải phóngdân tộc và Nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam".

Học tập, vận dụng, làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh là xuất phát từ tư tưởngcủa Người là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, nền tảng tư tưởng lý luận mang tính khoa học và cách mạngđể giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cách mạng Việt Nam. Đây cũng là yêu cầu trong nhiều chỉ thị của Đảng Cộng sản Việt Nam[4].

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong Đảng, hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân. Đưa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thành công việc tự giác, thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội các cấp, của từng địa phương, cơ quan,đơn vị và các tầng lớp nhân dân, trước hết là của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên.

Tư tưởng Hồ Chí Minh gắn liền với đạo đức, phong cách của Người. Hồ ChíMinh có tư tưởng rất sâu sắc về đạo đức, đồng thời là một tấm gương mẫu mực trong thực hành đạo đức, thể hiện trong tất cả các mối quan hệ đối với tự mình, với mọi người, với với công việc. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là một việc làm cần thiết để góp phần "nhân thêm cái đẹp, dẹp bớt cái xấu", hình thành nên nền đạo đức mới, hạn chế những tác động tiêu cực của cơ chế kinh tế thị trường đối với đời sống xã hội hiện nay.

Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một nội dung quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạođức, xây dựng đội ngũ

---

[4] Chỉ thị 23-CT/TW ngày 27-03-2003 của Ban Bí thọ Trung ọơng, khóa IX, Chỉ thị số 06-CT/TW (11- 2006) của Bộ Chính trị, khóa X, Chỉ thị số 03-CT/TW (5-2011) của Bộ Chính trị, khóa XI, Chỉ thị số 05- CT/TW (5-2016) của Bộ Chính trị, khóa XII.

cán bộ,; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chínhtrị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nộibộ, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

4.2.1. Nắm vững nội dung cơ bản, hệ thống tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Đó là nắm vững hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Đó là nắm vững nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh như đã nêu ở phần trên.

Nắm nội dung cốt lõi về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh: Trung với nước, trung với Đảng, hiếu với dân; thương yêu nhân dân, thương yêu con người, Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư và có tinh thần quốc tế trong sáng.

Học tập phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, luôn gắn chặt lý luận với thực tiễn; phong cách làm việc dân chủ, khoa học, kỹ lưỡng, cụ thể, tới nơi, tới chốn; phong cách ứng xử văn hoá, tinh tế, đầy tính nhân văn, thấm đậm tinh thần yêu dân, trọng dân, vì dân; phong cách nói đi đôi với làm, đi vào lòng người; nóivà viết ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm; phong cách sống thanh cao, trong sạch, giản dị; phong cách quần chúng, dân chủ, tự mình nêu gương,..

4.2.2. Phương pháp học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Đưa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh vào chương trình, kế hoạch hành động thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật nhà nước và nội dung sinh hoạt thường xuyên của các tổ chức, gắn với các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và giải quyết các vấn đề bức xúc, nổi cộm ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

Gắn đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với việc xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam, xây dựng hệ giá trị văn hoá và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

Lấy kết quả học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minhlà một trong những tiêu chuẩn đánh giá, bình xét, phân loại cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng và mỗi người hàng năm.

Xây dựng, tổng kết và nhân rộng những điển hình tiên tiến về làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh, kết hợp giữa "xây" với "chống". Đề cao trách nhiệm nêu gương, tự giác học trước, làm theo trước để nêu gương của của cán bộ, đảng viên trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách HồChí Minh.

Đối với học sinh cần phấn đấu và rèn luyện theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; bồi dưỡng tư tưởng, phẩm chất chính trị; không ngừng phát huy tinh thần yêu nước, tự hào về truyền thống bất khuất của dân tộc; trung thành vô hạn với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; bảo vệ Đảng, chế độ; bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết; phải tôn trọng pháp luật; có ý thức tổ chức và kỷ luật trong học tập, lao động và cuộc sống.

Không ngừng rèn luyện đức tính hiếu với dân, tận tụy với công việc; thật thà, chính trực, cần, kiệm, liêm, chính, biết quý trọng lao động, qúy trọng thời gian và tài

sản của tập thể, của mọi người, chống lãng phí, xa hoa; có trách nhiệm đối với học tập, công việc và cuộc sống; có tính tự giác tu dưỡng rèn luyện đạo đức.

Rèn luyện phong cách, lối sống khiêm tốn, giản dị; chống kiêu căng, tự mãn;kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa tự do, lười biếng; thói hám danh, hám lợi… Tích cực tham gia những hoạt động có ý nghĩa cho bản thân và có ích cho cộng đồng, xã hội. Cần biết kết hợp học lý thuyết với thực hành, học tập, lao động với tinh thần sáng tạo, có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao. Khôngngừng nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, khoa học, kỹ thuật và quân sự; biết học tập và nhân rộng điển hình tiên tiến của cộng đồng trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

CÂU HỎI

1. Trình bày nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh?

2. Hãy nêu nội dung cơ bản tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh?

3. Trình bày sự cần thiết phải học tập và làm theo phong cách Hồ Chí Minh?

BÀI 3: NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

Giới thiệu:

Chúng ta đang phấn đấu để nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Để đạt được mục tiêu đó, Đảng ta đã đề ra những đường lối, chủ trương, chính sách để toàn đảng, toàn dân và toàn quân ta thực hiện. Những chủ trương, chính sách đường lối đó được thể hiện cụ thể trong bài này.

Mục tiêu:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, nội dung cơ bản, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội;

- Bước đầu vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề của cá nhân và xã hội.

Nội dung chính:

1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam

1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

1.1.1. Tình hình thế giới và Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

- Tình hình thế giới

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX tình hình thế giới có những chuyển biếnsâu sắc. Chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, tranh đua đi xâm lược thuộc địa. Mâu thuẫn giữa các đế quốc với nhau đã dẫn đến chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), để lại cho nhân dân thế giới những hậu quả rất nặng nề.

Đầu thế kỷ XX, V.I.Lênin đã bảo vệ và phát triển học thuyết Mác, lãnh đạo thắng lợi Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. Tháng 3-1919, Quốc tế Cộng sảnra đời, trở thành trung tâm lãnh đạo phong trào cộng sản, công nhân quốc tế thúc đẩy sự ra đời hàng chục đảng cộng sản ở nhiều nước trên thế giới.

Ở châu Á, cuộc cách mạng Tân Hợi (1910-1911) ở Trung Quốc, công cuộc canh tân đất nước của Nhật Bản cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỳ XX đã có tác động đến nhiều nước, thu hút sự quan tâm của nhiều người yêu nước Việt Nam.

- Tình hình Việt Nam

Từ năm 1858, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam. Triều đình nhà Nguyễn từng bước thất bại và cuối cùng phải ký Hiệp ước Pa-tơ-nốt (6-1884) chấp nhận sựthống trị của thực dân Pháp ở toàn cõi Việt Nam.

Về chính trị, thực dân Pháp thi hành chính sách cai trị trực tiếp ở Đông Dương. Chúng dùng chính sách "chia để trị", chia nước ta thành ba kỳ, với ba chế độ thống trị khác nhau. Pháp duy trì triều đình phong kiến nhà Nguyễn và giai cấp địa chủ làm công cụ cai trị, bóc lột nhân dân ta; dùng bộ máy quân sự, cảnh sát, nhà tù đàn áp mọi sự chống đối. Nhân dân ta mất nước, bị đàn áp, bóc lột, cuộc sống vô cùng khổ cực.

Về kinh tế, thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa Đông Dương lần thứ nhất (1897-1914), lần thứ hai (1919-1929), đầu tư lập các đồn điền cao su, cà phê,

chè...; tập trung vào ngành *khai mỏ* (than, sắt, thiếc, vàng...). Pháp độc quyền về ngoại thương và tài chính, đặt ra hàng trăm thứ thuế; thi hành cho vay nặng lãi... làm cho nền kinh tế Việt Nam phụ thuộc nặng nề vào Pháp.

Về văn hoá, thực dân Pháp thực hiện chính sách nô dịch, xoá bỏ hệ thống giáo dục phong kiến; mở nhà tù, trại giam nhiều hơn trường học; khuyến khích cáchoạt động mê tín, các tệ nạn cờ bạc, rượu chè, gây tâm lý tự ty dân tộc. Kết quả là hơn 90% nhân dân ta bị mù chữ và bị bưng bít mọi thông tin tiến bộ trong ngoài nước.

Dưới sự thống trị của thực dân Pháp, tính chất xã hội Việt Nam đã thay đổi. Việt Nam từ xã hội phong kiến trở thành xã hội thuộc địa, nửa phong kiến. Trong xã hội Việt Nam nổi lên hai mâu thuẫn cơ bản. Mâu thuẫn cơ bản đồng thời là mâuthuẫn chủ yếu là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp. Mâu thuẫn cơ bản thứ hai, giữa nhân dân Việt Nam, đa số là nông dân với địa chủ phong kiến. Hai mâu thuẫn này tác động lẫn nhau đòi hỏi phải giải quyết nhưng độc lập dân tộc là yêu cầu cơ bản, chủ yếu nhất, phản ánh nguyện vọng bức thiết của dân tộc Việt Nam ở đầu thế kỷ XX.

- *Các phong trào yêu nước Việt Nam*

Ngay khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, các cuộc khởi nghĩa nông dân chống Pháp đã nổ ra liên tục. Đó là các cuộc khởi nghĩa ở Nam Kỳ dưới sự lãnhđạo của Trương Công Định, Thủ khoa Huân, Nguyễn Trung Trực...

- Sau khi triều đình nhà Nguyễn ký Hiệp ước Pa-tơ-nôt (6-1884), phong tràoyêu nước theo chiếu "Cần Vương" của vua Hàm Nghi diễn ra mạnh mẽ. Hàng loạtcác cuộc khởi nghĩa đã nổ ra như Khởi nghĩa Hương Khê, Ba Đình, Bãi Sậy, khởi nghĩa Yên Thế. Các cuộc khởi nghĩa vũ trang theo khuynh hướng phong kiến đã nêu khẳng định tinh thần yêu nước, ý chí bất khuất chống xâm lược nhưng bị đàn áp đẫm máu và tất cả đều thất bại.

- Đầu thế kỷ XX phong trào yêu nước Việt Nam diễn ra theo khuynh hướngtư sản. Tiêu biểu là phong trào Đông Du do Phan Bội Châu lãnh đạo; khuynh hướng cải cách dân chủ do Phan Châu Trinh tổ chức (1906-1908); phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, Hà Nội (1907), phong trào của Việt Nam Quốc dân Đảng (1929-1930). Các phong trào yêu nước nêu trên phản ánh tinh thần dân tộc của cácsĩ phu yêu nước tiến bộ và một bộ phận trí thức, tư sản Việt Nam nhưng tất cả đềuthất bại. Do địa địa vị kinh tế, chính trị non yếu, giai cấp tư sản Việt Nam đã khôngđủ sức lãnh đạo cách mạng.

Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp (1897-1914). Từ đó đến trước năm 1925, phong trào công nhân Việt Nam còn ở giai đoạn đấu tranh tự phát, nổ ra lẻ tẻ, phân tán.

Nhìn chung, phong trào cách mạng Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX rơi vào tình trạng khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo cách mạng, ví như đi "*trong đêm tối không có đường ra*".

1.1.2. Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, chuẩn bị thành lập Đảng

Sau khi rời Tổ Quốc, Nguyễn Tất Thành qua Pháp, nhiều nước châu Phi và đến sống ở Mỹ (1912-1913), ở Anh (1914-1917). Tháng 7-1917, Người từ Anh trởvề Pari, Pháp, tham gia các hoạt động chính trị- xã hội và bắt đầu chú ý về nước Nga Xô viết.

Tháng 7 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc được đọc bản "*Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*" của V.I.Lênin đăng trên báo Nhân đạo của Đảng Xã hội Pháp và từ đó bắt đầu tin theo Lênin. Cuối tháng 12- 1920, tại Đại hội XVIII của Đảng Xã hội Pháp họp ở thành phố Tua, Pháp, Người bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản, tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp.Đây là bước chuyển về chất trong lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc. Sau đó, Người thành lập *Hội Liên hiệp thuộc địa*, ra báo *Người cùng khổ,* tham gia viết báo tố cáo tội ác của thực dân Pháp ở Đông Dương.

Tháng 6-1923, Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô và làm việc ở Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản. Người tham gia các Hội nghị Quốc tế nông dân, Quốctế Thanh Niên và dự các khoá bồi dưỡng ngắn hạn của Quốc tế Cộng sản.

Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc được cử là phái viên của Ban thư ký ViễnĐông của Quốc tế Cộng sản về hoạt động ở Quảng Châu, Trung Quốc. Tháng 6- 1925, Người thành lập *Hội Việt Nam cách mạng thanh niên*, ra báo *Thanh Niên* của Hội, mở nhiều lớp huấn luyện cán bộ, trực tiếp giảng bài về chủ nghĩa Mác- Lênin và con đường cách mạng giải phóng dân tộc. Các bài giảng của Người tại các lớp huấn luyện được *Bộ Tuyên truyền của Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức* xuất bản thành tác phẩm "*Đường kách mệnh*" (1927). Tác phẩm đã chỉ rõ những vấn đề chiến lược của cách mạng Việt Nam, chuẩn bị tư tưởng chính trị cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ năm 1928, *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* chủ trương "Vô sản hoá", đưa hội viên của mình vào làm việc tại các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền trongnước để truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin và giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam pháttriển mạnh khắp cả nước.

Tháng 3-1929, tại nhà số 5D, phố Hàm Long (Hà Nội), Chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam đã thành lập. Ngày 17-6-l929 tại số nhà 312 phố Khâm Thiên, Hà Nội, đại biểu các tổ chức cộng sản ở miền Bắc họp Đại hội, quyết định thành lập *Đông Dương Cộng sản Đảng*, ra Tuyên ngôn, Điều lệ và phát hành báo *Búa liềm* của Đảng.

Tháng 8-1929*, An Nam Cộng sản Đảng ra đời*, thông qua đường lối chính trị, Điều lệ Đảng và lập Ban lãnh đạo của Đảng.

Tháng 9-1929, một số hội viên tiên tiến của Hội Tân Việt cách mạng đảng ra Tuyên đạt thông báo thành lập *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.*

Ngày 28-7-1929, tại số nhà 15 phố Hàng Nón, Đại hội thành lập *Tổng Công hội đỏ*, thông qua Chương trình, Điều lệ, bầu ra Ban chấp hành lâm thời do Nguyễn Đức Cảnh đứng đầu, ra báo *Lao động* và tạp chí *Công hội đỏ*.

1.1.3. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

Cuối năm 1929, Nguyễn Ái Quốc đang hoạt động ở Xiêm (Thái Lan) thì nhận biết ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam đã thành lập nhưng hoạt động riêng rẽ. Người đã chủ động triệu tập đại biểu, dự thảo văn kiện và các điều kiện để tổ chức Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản.

Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản diễn ra từ ngày 6-1 đến ngày 7-2- 1930

(vào dịp Tết Canh Ngọ)[5], tại bán đảo Cửu Long, Hương Cảng (Trung Quốc). Hội nghị thông qua 5 nội dung cơ bản: Xoá bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản; định tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam; thông qua Chính cương và Điều lệ sơ lược của Đảng; định kế hoạch thống nhất Đảng ở trong nước và cử Ban Trung ương lâm thời.

Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản có ý nghĩa như Đại hội thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Các văn kiện *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt* được Hội nghị thông qua hợp thành *Cương lĩnh chính trị đầutiên* của Đảng.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng chỉ rõ:

Phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam là "*làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản*".

Nhiệm vụ của cách mạng: Đánh đổ đế quốc Pháp và phong kiến, làm cho nước An Nam được hoàn toàn độc lập, lập ra chính phủ công nông binh; tổ chức raquân đội công nông. Thủ tiêu hết các thứ quốc trái; tịch thu toàn bộ sản nghiệp lớn như công nghiệp, vận tải, ngân hàng, v.v của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho chính phủ công nông binh quản lý. Tịch thu hết ruộng đất của đế quốc Pháp để làm của công và chia cho dân cày nghèo. Bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo; mở mang công nghiệp và nông nghiệp; thi hành luật ngày làm 8 giờ. Dân chúng được tự do tổ chức; nam nữ bình quyền, v.v; phổ thông giáo dục theo công nông hoá.

Lực lượng cách mạng: Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày vàphải dựa vững vào dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng; hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông… để kéo họ về phe giai cấp vô sản.

Lãnh đạo cách mạng: Giai cấp vô sản là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đảng là đội tiền phong của vô sản giai cấp phải thu phục được đa số giai cấpmình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo dân chúng.

Phương pháp cách mạng: Sử dụng bạo lực cách mạng giành chính quyền.Tổ chức ra quân đội công nông để bảo vệ cách mạng, đập tan sự phản kháng của kẻ thù. *Về quan hệ quốc tế:* Cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thếgiới, thực hành liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên tuy vắn tắt nhưng đầy đủ những vấn đề chiến lược của cách mạng Việt Nam, phù hợp với xu thế thời đại. Với Cương lĩnh này, Đảng mới ra đời đã sớm quy tụ được lực lượng, đặt nền tảng đoàn kết các giai cấpvà toàn dân tộc; Đảng sớm có điều kiện trở thành lực lượng duy nhất lãnh đạo cáchmạng Việt Nam.

Sau Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, các tổ chức Đảng trong nước lần lượt được thống nhất thành các Chi bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930 là tất yếu lịch sử; là kết quả của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đảng ra đời là bước ngoặt

---

[5] Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) quyết định chọn ngày 3 tháng 2 hàng năm làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

vĩ đại của cách mạng Việt Nam, chấm dứt thời kỳ bế tắc, khủng hoảng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo cách mạng ở Việt Nam; nó chứng tỏ rằng giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng.

Từ đây Đảng Cộng sản Việt Nam đã trở thành trung tâm đoàn kết các giai cấp và toàn dân tộc, là sự chuẩn bị đầu tiên, mở đường cho những thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Sự ra đời của Đảng khẳng định công lao to lớn của Nguyễn Ái Quốc, người tìm ra con đường cứu nước đúng đắn và chuẩn bị chu đáo về chínhtrị, tư tưởng và tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

1.2.1. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945)

Trong vòng 15 năm, kể từ khi ra đời Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi trên phạm vi toàn quốc và ít đổ máu. Thắng lợi đó là kết quả của các nhân tố khách quan và chủ quan, nhoịng sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố chủ yếu nhất có vị trí hàng đầu quyết định thắng lợi.

Trước hết do Đảng có đường lối cách mạng đúng đắn. Đường lối của Đảng phát triển từ Cương lĩnh chính trị đầu tiên (2-1930), Luận Cương chính trị (10- 1930)..., đến Đại hội lần thứ nhất của Đảng (3-1935). Các Hội nghị Trung ương, trong đó nổi bật là Hội nghị Trung ương 8 (5-1941) do Nguyễn Ái Quốc chủ trì đặtvấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu, thành lập mặt trận Việt Minh, thành lập và mở rộng căn cứ địa cách mạng, thành lập Việt Nam Tuyên truyền giải phóngquân (22-12-1944), tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam. Ngày 12-3-1945, Thường vụ Trung ương Đảng ra bản Chỉ thị "Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" phát động cao trào kháng Nhật cứu nước. Hội nghị cán bộ toàn quốc của Đảng từ 13 đến 15 tháng 8 quyết định phát động Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc. Sự phát triển đường lối cách mạng của Đảng với các chủ trương nêu trên là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Đảng đã kiên trì chuẩn bị chu đáo về lực lượng cách mạng; xây dựng khối đoàn kết liên minh giai cấp công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân yêu nước khác trong Mặt Việt Minh. Đảng đã lãnh đạo quần chúng nhân dân tiến hành cao trào cách mạng 1930-1931, cao trào vận động dân chủ Đông Dương (1936- 1939) và cao trào kháng Nhật cứu nước từ tháng 3 năm 1945, trực tiếp dẫn đến thắng lợi Cách mạng Tháng Tám 1945.

Đảng có phương pháp cách mạng đúng đắn, dự báo đúng, bám sát tình hình,chỉ đạo kiên quyết, khôn khéo, biết tạo nên sức mạnh tổng hợp để áp đảo kẻ thù và quyết tâm lãnh đạo quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền. Đảng có nghệ thuật tài giỏi về chuẩn bị, bám sát và chớp thời cơ "*ngàn năm có một*" là: khi phát xít Nhật đầu hàng Đồng Minh, quân Nhật ở Đông Dương hoang mang cực điểm, chính quyền tay sai Nhật nhanh chóng tan rã. Quân Đồng Minh chưa kịp vào, quânPháp chưa kịp trở lại Đông Dương... để phát động toàn dân nổi dậy tiến hành Cáchmạng Tháng Tám thắng lợi.

Cách mạng Tháng Tám thành công là do Đảng có công tác tuyên truyền vận động quần chúng linh hoạt, bằng nhiều hình thức phong phú để vận động hàng chục triệu quần chúng cả nước quyết tâm đấu tranh giải phóng dân tộc. Đảng có các lãnh tụ ưu tú như Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư Trần Phú (1930-1931), Tổng Bí thư Lê Hồng Phong (1935-1936), Tổng Bí thư Hà Huy Tập (1937-1938), Tổng bí thư Nguyễn Văn Cừ (1938-1940) và hàng ngàn đảng viên gương mẫu đấu tranh với tinh thần quyết tâm, ý chí độc

lập, tự chủ, sáng tạo. Trong vòng 15 ngày, từ ngày 14-8, đến ngày 30-8, Cách mạng tháng Tám đã thắng lợi trên phạm vi cả nước. 14 giờ ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

1.2.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc chống Pháp xâm lược (1945 – 1954)

Thời kỳ từ tháng 9-1945 đến 12 năm 1946, chính quyền cách mạng được thiết lập trên cả nước nhưng ở tình thế phải chống "giặc đói", "giặc dốt" và nguy hiểm nhất là giặc ngoại xâm. Vận mệnh đất nước ví nhọ "ngàn cân treo sợi tóc".

Cuối tháng 2 năm 1946, thực dân Pháp và chính quyền Tưởng ký Hiệp ước Hoa-Pháp ở Trùng Khánh. Theo đó, Pháp nhân nhượng một số quyền lợi kinh tế cho chính quyền Tưởng trên đất Trung Hoa để Pháp được đưa quân ra miền Bắc Việt Nam. Trong bối cảnh đó Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ ta ký với đại diện Chính phủ Pháp bản Hiệp định sơ bộ (6-3-1946) hòa hoãn với Pháp nhằm mục đích buộc quân Tưởng rút ngay về nước, tránh tình trạng một lúc phải đối đầuvới nhiều kẻ thù, bảo toàn thực lực, tranh thủ thời gian hoà hoãn để củng cố lực lượng, chuẩn bị cho một cuộc chiến đấu mới và bảo vệ thành quả Cách mạng Tháng Tám.

Nhưng thực dân Pháp bội ước, liên tục cho quân lấn tới và ra tối hậu thư đòi tự vệ Hà Nội phải nộp vũ khí. Không thể nhân nhượng được nữa, chiều 18-12- 1946, Thường vụ Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch đã quyết định phát động cuộc kháng chiến toàn quốc. Trải qua nhiều khó khăn gian khổ, phát động nhiều chiến dịch lớn, Đảng đã đưa cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi hoàn toàn. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) là tổng hợp của nhiều nguyên nhân, nhưng sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định hàng đầu quyết định thắng lợi.

Trước hết, do Đảng có đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo. Đường lốiđó thể hiện trong Bản Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc", "Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh; Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2-1951); tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi của Tổng Bí thư TrườngChinh. Cốt lõi đường lối kháng chiến của Đảng khẳng định: cuộc kháng chiến của dân tộc ta là chiến tranh nhân dân chính nghĩa; có tính chất toàn dân, toàn diện lâu dài, dựa và sức mình là chính; đoàn kết với Miên, Lào và các dân tộc yêu chuộngtự do, hoà bình. Mặc dù lâu dài, gian khổ, khó khăn, song kháng chiến nhất định thắng lợi.

Đảng có công tác tư tưởng đúng đắn, động viên quân dân cả nước, phát huychính nghĩa, tinh thần đoàn kết trong mặt trận Liên Việt vì "Tổ Quốc trên hết", vượt qua mọi gian khổ, hy sinh, quyết tâm vì độc lập tự do đưa kháng chiến đến thắng lợi. .

Đảng có công tác tổ chức tài giỏi, lãnh đạo chính quyền dân chủ nhân dân là công cụ sắc bén vừa tổ chức kháng chiến, từng bước phát triển kinh tế, văn hóa kháng chiến, xây dựng chế độ mới.

Đảng đã xây dựng được quân đội nhân dân anh hùng, có nghệ thuật quân sự tài giỏi, được sự nuôi dưỡng từ nhân dân, đã tổ chức các chiến dịch lớn thắng lợi. Đólà chiến dịch 60 ngày đêm của quân dân Hà Nội kìm chân quân Pháp; chiến dịch Việt Bắc Thu Đông năm 1947; chiến dịch Biên Giới năm 1950 và đỉnh cao là chiếndịch Điện Biên Phủ, buộc thực dân Pháp phải chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bìnhở Đông Dương. Ngày 21-7-1954, Pháp và các nước đã ký kết Hiệp định Giơnevơ, công nhận độc lập chủ quyền của ba nước Đông Dương, chấm dứt chiến tranh, lậplại hoà bình trên toàn cõi

Đông Dương.

1.2.3. Vai trò lãnh đạo Đảng trong cuộc chống Mỹ, thống nhất đất nước (1954- 1975)

Sau năm 1954, đất nước ta chia làm hai miền. Miền Bắc Việt Nam được giải phóng, thực hiện quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Ở miền Nam, đế quốc Mỹ phá hoại Hiệp định Giơnevơ, hất cẳng Pháp, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ, phòng tuyến chống chủ nghĩa cộng sản.

Những năm 1954-1958, Đảng chủ trương khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đấu tranh hoà bình đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, thống nhất nước nhà. Trước sự vi phạm hiệp định Giơnevơ, đàn áp dã man những ngườiyêu nước ở miền Nam của Mỹ- Diệm, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15, khóaII (1-1959) quyết định cách mạng miền Nam phải giành chính quyền bằng con đường sử dụng bạo lực cách mạng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào Đồng khởi từ tỉnh Bến Tre (1-1960) lan rộng ra khắp miền Nam. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam thành lập (12-1960). Cách mạng miền Nam chuyển mạnh từ thế giữ gìn lực lượng chuyển sang thế tiến công cách mạng.

Đại hội lần thứ III của Đảng (9-1960) chủ trương đồng thời xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh hoà bình thống nhất nước nhà. Đại hội bầu đồng chí Lê Duẩn là Tổng Bí thư của Đảng.

Từ năm 1961, Tổng thống Mỹ Kennơđi quyết định chuyển sang thực hiện chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam. Đảng chủ trương, miền Bắc chi viện mạnh hơn cho tiền tuyến, miền Nam vừa đẩy mạnh đấu tranh chính trị ở đô thị, vừa phá Ấp chiến lược" ở nông thôn, vừa tấn công mạnh mẽ về quân sự. Tháng 11-1963, Ngô Đình Diệm bị ám sát. Chính quyền Sài Gòn liên tục bị đảo chính. "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ bị phá sản.

Sau 10 năm hòa bình (1954-1964), miền Bắc thay đổi mọi mặt, đã tiến những bước dài chưa từng có trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội, con người đều đổi mới.

Từ 1965-1968, Tổng thống Giônxơn quyết định tiến hành "Chiến tranh cục bộ", đưa hơn nửa triệu quân Mỹ và quân một số nước phụ thuộc Mỹ vào miền Nam, đồng thời cho không quân và hải quân ném bom, thả mìn phá hoại miền Bắc.Trước sự leo thang chiến tranh của Mỹ, Đảng chủ trương phát động cuộc chiến tranh nhân dân chống Mỹ trên cả nước, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược trong bất cứ tình huống nào.

Quân dân miền Bắc tổ chức lại sản xuất, chống chiến tranh phá hoại của Mỹ với tinh thần "tay cày tay sung", "tay búa tay súng", đồng thời tích cực chi viện chiến trường với tinh thần "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người".

Quân dân miền Nam đẩy mạnh cao trào đánh Mỹ, diệt ngụy, giành thắng lợi ở nhiều trận, đặc biệt là thắng lợi của cuộc Tổng công kích và nổi dậy mùa Xuân năm 1968 đã buộc Mỹ phải chấm dứt không điều kiện ném bom miền Bắc, rútquân viễn chinh Mỹ và chư hầu ra khỏi miền Nam, ngồi đàm phán với ta tại Hội nghị Pari (11-1968). Chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ bị phá sản.

Từ năm 1972, Tổng thống Níchxơn quyết định tiến hành Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh". Quân dân miền Nam mở nhiều đòn tấn công chiến lược vàonhững năm 1971, 1972; đặc biệt, quân dân Hà Nội chiến thắng trận "*Điện Biên Phủ trên không*", buộc đế quốc Mỹ phải ký kết Hiệp định Pari (1-1973) công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, rút hết quân đội Mỹ và quân phụ thuộc Mỹ

ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào" Đảng chủ trương mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. Với ba đòn tiến công là chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế-Đà Nẵng và chiến dịch Hồ Chí Minh (từ 10-3 đến 30-4-1975) quân dân ta đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là kết quả tổng hợp của nhiều nhân tố, trong đó sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định hàng đầu.

Đảng có đường lối chính trị, quân sự và phương pháp cách mạng độc lập, tựchủ, đúng đắn, sáng tạo, tổng hợp, dẫn dắt cuộc kháng chiến của toàn dân tộc điđến thắng lợi hoàn toàn. Đó là đường lối đồng thời đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam và sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiệnthống nhất nước nhà. Đó là hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền, nhưngtiến hành đồng thời, có quan hệ mật thiết, thúc đẩy lẫn nhau nhằm giải quyết mâu thuẫn chung giữa nhân dân ta với đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện hoà bình thống nhất Tổ quốc.

Đảng có công tác tư tưởng đúng đắn, đã động viên quân dân cả nước ta tin tưởng vào chính nghĩa vượt qua mọi gian khổ hy sinh, cả nước ra trận. Hễ còn mộttên xâm lược Mỹ trên đất nước ta thì ta còn phải chiến đấu quét sạch nó đi

Đảng đã lãnh đạo, động viên cán bộ, chiến sĩ và đồng bào miền Nam kiên cường chiến đấu chống quân thù, xứng đáng với danh hiệu "Thành đồng của Tổ quốc".

Đảng đã lãnh đạo, động viên đồng bào và chiến sĩ miền Bắc vừa xây dựng, vừa chống chiến tranh phá hoại, vừa hoàn thành nghĩa vụ hậu phương lớn, chi việntiền tuyến lớn đánh thắng giặc Mỹ xâm lợọc.

Đảng có quân đội nhân dân anh hùng, có nghệ thuật quân sự tài giỏi; có tấm gương anh dũng chiến đấu của hàng triệu cán bộ, đảng viên và đồng báo cả nước.

Đảng đã phát huy sức mạnh đoàn kết chiến đấu ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia; sự ủng hộ hết lòng và sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa; sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ.

1.2.4. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975- 1986)

Sau khi giải phóng miền Nam, Đảng đã lãnh đạo nhanh chóng hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt nhà nước. Đại hội lần thứ IV của Đảng (12-1976) đã khẳng định đường lối chung đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, "xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn" theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đại hội tiếp tục bầu đồng chí Lê Duẩn là Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội V của Đảng (3-1982) khẳng định nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; cách mạng Việt Nam có hai nhiệm vụchiến lược là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nội dung công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên là tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu,

đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủnghĩa. Đại hội tiếp tục bầu đồng chí Lê Duẩn là Tổng Bí thư của Đảng.

Sau 30 năm chiến đấu liên tục để giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, nguyện vọng thiết tha của nhân dân Việt Nam là hoà bình, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ để xây dựng đất nợớc. Song các thế lực thù địch đã cấu kết với nhau ra sức chốngphá, buộc Việt Nam phải tiến hành hai cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Tây Nam và phía Bắc Tổ quốc.

Từ tháng 4-1975, tập đoàn Pôn Pốt đã thi hành chính sách diệt chủng ở Campuchia và tăng cường chống Việt Nam. Ngày 3-5-1975, chúng cho quân đổ bộchiếm Thổ Chu, Phú Quốc, sau đó tiến hành hàng ngàn vụ tấn công lấn chiếm đất đai, giết hại nhân dân Việt Nam trên tuyến biên giới Tây Nam bằng những hình thức vô cùng dã man. Cuối tháng 12-1978, chính quyền Pôn Pốt huy động tổng lựctiến công xâm lược quy mô lớn trên toàn tuyến biên giới Tây Nam với mục tiêu tiến sâu vào nội địa Việt Nam.

Để bảo vệ độc lập và chủ quyền Tổ quốc, quân và dân Việt Nam đã đánh trả,tiến công đánh đuổi bọn xâm lược ra khỏi bờ cõi. Thể theo yêu cầu của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, từ ngày 26-12-1978, quân tình nguyện ViệtNam phối hợp và giúp đỡ quân dân Campuchia tổng tiến công, đến ngày 7-1-1979 giải phóng Phnôm Pênh, xóa bỏ chế độ diệt chủng Khơme đỏ- Pôn Pốt. Ngày 18-2-1979, Việt Nam và Campuchia ký Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác. Theo Hiệp ước, quân đội Việt Nam có mặt ở Campuchia để giúp bạn bảo vệ độc lập, chủquyền, toàn vẹn lãnh thổ và hồi sinh đất nước. Hành động đó của Việt Nam là chính nghĩa, xuất phát từ yêu cầu tự vệ chính đáng khi bị tấn công được ghi trong Điều 51 Hiến chương Liên hợp quốc và đã được nhân dân Campuchia và thế giới ghi nhận.

Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng có nhiều điểm tương đồng về chính trị, kinh tế, văn hóa, có quan hệ hữu nghị truyền thống lâu đời. Trong lịch sử cách mạng, hai Đảng và nhân dân hai nước đã đoàn kết, ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau. Trong kháng chiến chống Pháp xâm lược và chống Mỹ, cứu nước (1945- 1975), nhân dân Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã dành cho nhân dân Việt Nam sự ủng hộ, giúp đỡ toàn diện, to lớn và quý báu. Đảng, nhà nước và nhân dân Việt Nam luôn biết ơn về sự giúp đỡ quý báu đó.

Năm 1978, Trung Quốc rút chuyên gia, cắt viện trợ cho Việt Nam, liên tiếp lấn chiếm dẫn đến xung đột trên tuyến biên giới phía Bắc Việt Nam. Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc từ năm 1978 đã xấu đi rõ rệt. Ngày 17-2-1979, Trung Quốchuy động hơn 60 vạn quân đồng loạt tấn công toàn tuyến biên giới nước ta từ Lai Châu đến Quảng Ninh, gây ra những hậu quả rất nặng nề. Ngày 5-3-1979, Chủ tịchTôn Đức Thắng ra lệnh Tổng động viên toàn quốc. Quân dân Việt Nam, nhất là quân dân các tỉnh biên giới phía Bắc, được nhân dân thế giới ủng hộ đã kiên cườngchiến đấu bảo vệ đất nước. Ngày 5-3-1979, Trung Quốc tuyên bố rút quân, song cuộc chiến tranh biên giới chưa chấm dứt, trên tuyên biên giới Việt- Trung, nhất làkhu vực Vị Xuyên, Hà Giang, cuộc chiến đấu của quân dân Việt Nam vẫn tiếp diễnđến năm 1989. Từ ngày 18-4-1979 phía Việt Nam và Trung Quốc đã tiến hành các cuộc đàm phán, từng bước giải quyết những tranh chấp về biên giới lãnh thổ và cácvấn đề khác, khôi phục hoà bình, quan hệ hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước.

Cũng thời gian này, quân dân cả nước đã đấu tranh thắng lợi chống lực lượng phản động có vũ trang ở Tây Nguyên (FULRO) và lực lượng phản động lưuvong xâm

nhập về nước, bảo vệ vững chắc thành quả của cách mạng trong mọi tình huống.

Trong 10 năm, Đảng đã có ba bước đổi mới cục bộ kinh tế. Hội nghị Trung ương 6 (8-1979) là bước đột phá đầu tiên đổi mới kinh tế của Đảng với chủ trươngphá bỏ những rào cản để cho "sản xuất bung ra". Hội nghị Trung ương 8 khoá V (6-1985) được coi là bước đột phá thứ hai đổi mới kinh tế của Đảng với chủ trươngxoá quan liêu bao cấp về giá và lương, chuyển sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Hội nghị Bộ Chính trị khoá V (8- 1986) là bước đột phá thứ ba về đổi mới kinh tế của Đảng với chủ trương điều chỉnh cơ cấu sản xuất và đầu tư, lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu; phát triển nhiều thành phần kinh tế, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

Ba bước đột phá về đổi mới kinh tế của Đảng như đã nêu trên là kết quả tổng hợp của quá trình tìm kiếm, thử nghiệm, đấu tranh giữa quan điểm mới và quan điểm cũ về kinh tế. Tuy nhiên sau 10 năm 1975- 1986, chúng ta đã không hoàn thành các mục tiêu do Đại hội IV và Đại hội V của Đảng đề ra. Đất nước lâmvào khủng hoảng kinh tế-xã hội kéo dài; sản xuất tăng chậm và không ổn định; nềnkinh tế luôn trong tình trạng thiếu hụt, không có tích luỹ; lạm phát tăng cao và kéo dài. Đất nước bị bao vây, cô lập, đời sống nhân dân hết sức khó khăn.

Nguyên nhân khách quan dẫn đến khủng hoảng kinh tế-xã hội do xây dựng đất nước từ nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, sản xuất nhỏ là phổ biến, bị bao vây, cấm vận nhiều năm, hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh chưa kịp hàn gắn thì chiến tranh ở biên giới ở hai đầu đất nước làm nảy sinh những khó khăn mới.

Nguyên nhân chủ quan là do những sai lầm của Đảng trong đánh giá tình hình, xác định mục tiêu, bước đi, sai lầm trong bố trí cơ cấu kinh tế; sai lầm trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, trong lĩnh vực phân phối, lợu thông; duy trì quá lâu cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp; buông lỏng chuyên chính vô sản trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội và trong đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn của địch. Đó là những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện.

1.2.4. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới (1986- 2018)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12-1986) đã tổng kết 10 năm trước đổi mới, là Đại hội kế thừa và quyết tâm đổi mới, đoàn kết tiến lên của Đảng, đánh dấu sự trưởng thành về lý luận và thực tiễn của Đảng. Đất nước sau hơn 4 năm đổimới (1986-1991) cơ bản ổn định nhưng chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội. Công cuộc đổi mới còn nhiều hạn chế, còn nhiều vấn đề kinh tế-xã hội nóng bỏng chưa được giải quyết. Đại hội bầu đồng chí Nguyễn Văn Linh là Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội đại biểu lần thứ VII (6-1991) của Đảng họp trong bối cảnh Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu rơi vào khủng hoảng và sụp đổ, tác động mạnh mẽ đối với cách mạng Việt Nam. Đại hội đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000*…. Tại Đại hội VII, lần đầu tiên Đảng giương cao ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh và khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Đại hội bầu đồng chí Đỗ Mười là Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội đại biểu lần thứ VIII (6-1996) khẳng định sau 10 năm đổi mới, đất nước

ta cơ bản đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội. Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hoá đã cơ bản hoàn thành, nước ta chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đại hội tiếp tục bầu đồng chí Đỗ Mười là Tổng Bí thư của Đảng. Đến hội nghị Trung ương 4, khóa VIII (12-1997), đồng chí Lê Khả Phiêu được Ban Chấp hành Trung ương bầu là Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội đại biểu lần thứ IX (4-2001*)* đã tổng kết thế kỷ XX với những đánh giá quan trọng. Kết quả thực hiện Chiến lược ổn định phát triển kinh tế-xã hội 1991-2000 đã đưa GDP của nước ta từ 15,5 tỷ USD năm 1991 tăng vượt hơn gấp đôi vào năm 2000, đạt trên 35 tỷ USD. Đại hội đã đề ra Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm tiếp theo (2001-2010) với mục tiêu tổng quát là đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại; tiếp tục đưa GDP năm 2010 lêngấp đôi so với năm 2000. Đại hội bầu đồng chí Nông Đức Mạnh là Tổng Bí thưcủa Đảng.

Đại hội đại biểu lần thứ X của Đảng (4-2006) có chủ đề với 4 nội dung trọngtâm là: Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnhtoàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tìnhtrạng kém phát triển. Đại hội X của Đảng là dấu mốc quan trọng sau 20 năm đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Các văn kiện được thông qua tại Đạihội X là kết tinh trí tuệ và ý chí của toàn Đảng, toàn dân quyết tâm đổi mới toàn diện, phát triển với tốc độ nhanh và bền vững hơn trong thời kỳ mới. Đại hội tiếp tục bầu đồng chí Nông Đức Mạnh là Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội đại biểu lần thứ XI (1-2011) có chủ đề với 4 nội dung mới: Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàndân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đại hội đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011). Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội (2011-2020)*khẳng định ba đột phá chiến lược: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn. Đại hội bầu đồng chí Nguyễn Phú Trọng là Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội đại biểu lần thứ XII của Đảng (1-2016) với chủ đề với 5 nội dung mới: Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đây là Đại hội của Đoàn kết- Dân chủ- Kỷ cương- Đổi mới. Đại hội bầu đồng chí NguyễnPhú Trọng là Tổng Bí thư của Đảng.

Ngày 23-10-2018, tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV đã bầu Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng giữ cương vị Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Những thành tựu cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

Đánh giá những thành tựu cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, *Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011)* khẳng định: Từ năm 1930 đến nay, Đảng

Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng giành được những thắng lợi vĩđại: Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị củathực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do; thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế; thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hoá, hiệnđại hoá và hội nhập quốc tế, tiếp tục đưa đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với nhận thức và tư duy mới đúng đắn, phù hợp thực tiễn Việt Nam.

2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

2.2.1. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Thắng lợi Cách mạng Tám năm 1945 đã đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ, lật đổ chế độ quân chủ và ách thống trị của phát xítNhật, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội.

Thắng lợi của Cách mạng Tám đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của lịchsử dân tộc Việt Nam, đưa dân tộc ta bước vào một kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên độclập, tự do. Với thắng lợi của Cách mạng Tám, Đảng và nhân dân ta đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, cung cấp thêm nhiều kinh nghiệm quý báu cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và giành quyền dân chủ. Cách mạng Tám thắng lợi đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân giành độc lập, tự do.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi vĩ đại nhất trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam. Chẳng những nhân dân Việt Nam có thể tự hào, mà các dân tộc bị áp bức trên thế giới cũng có thể tự hào rằng, đây là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc.

2.1.2. Thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế

- *Thắng lợi của kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)* đã buộc thựcdân Pháp và các nước phải công nhận độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của các nước Đông Dương; làm thất bại âm mưu mở rộng và kéo dài chiến tranh của đế quốc Mỹ, kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương; giải phóng hoàntoàn miền Bắc, tạo điều kiện để miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội; tăng thêm niềm tự hào dân tộc cho nhân dân ta và nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Đối với quốc tế, thắng lợi của kháng chiến chống thực dân Pháp đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới; mở rộng địa bàn, tăng thêm lực lượng cho chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới; cùng với nhân dân Lào và Campuchia đập tan ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ ở ba nơớc Đông Dương, là tấm gương cổ vũ các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc, góp phần làm sụp đổcủa chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới, trước hết là hệ thống thuộc địa của thực dân Pháp.

Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước

thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng lả một thắng lợi của các lực lượng hoà bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Thắng lợi đó đã chứng minh rằng một dân tộc dù đất không rộng, người không đông, nếu quyết tâm chiến đấu vì độc lập, tự do, có đường lối chính trị, quân sự đúng đắn, được sự ủng hộ quốc tế thì hoàn toàn có thể giành thắng lợi.

- *Thắng lợi của cuộc chống Mỹ, cứu nước (1954-1975):* Quân dân Việt Namdưới sự lãnh đạo của Đảng đã quét sạch quân xâm lược ra khỏi bờ cõi, giải phóng miền Nam, giành lại độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ đất nước; hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trên phạm vi cả nước, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc ta, kỷ nguyên cả nước hòa bình, thống nhất, cùng chung một nhiệm vụ chiến lược, đi lên chủ nghĩa xã hội; tăng thêm sức mạnh vật chất, tinh thần, thế và lực cho cách mạng và dân tộc Việt Nam, để lại niềm tự hào sâu sắc và những kinh nghiệm quý cách mạng về sau; góp phần quan trọng và việc nâng cao uy tín của Đảng và dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế.

Thắng lợi của cuộc chống Mỹ, cứu nước đã đập tan cuộc phản kích lớn nhất của chủ nghĩa đế quốc vào chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đã làm phá sản các chiến lược chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, gây tổn thất to lớn và tác động sâu sắc đến nội tình nước Mỹ; góp phần phá vỡ một phòng tuyến quan trọng của Mỹ ở Đông Nam Á, mở ra sự sụp đổ không thể tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới, cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vì mục tiêu độc lập dân tộc, dân chủ, tự do và hòa bình phát triển của nhân dân thế giới.

Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi và lịch sử dân tộc như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủnghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc.

- Thắng lợi của quân và dân ta trong chiến đấu bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và phía Bắc Tổ quốc là là một bảo đảm cực kỳ quan trọng cho nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa và tiếp tục tăng cường tình hữu nghị và hợp tác giữa các nước và góp phần củng cố hoà bình, ổn định ở Đông Nam Á và trên thế giới.

2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Qua hơn 30 năm đổi mới, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệTổ quốc xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành, phát triển. Chính trị-xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường. Văn hóa-xã hội có bước phát triển; bộ mặt đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi. Dân chủxã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng. Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh. Sức mạnh về mọi mặt của đất nướcđược nâng lên; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa. Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

Những thành tựu đó tạo tiền đề, nền tảng quan trọng để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới; khẳng định đường lối đổi mới củaĐảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử.

Gần 90 năm qua, kể từ khi có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã giành được những thắng lợi to lớn, nước ta từ một xứ thuộc địa nửaphong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước,làm chủ xã hội. Đất nước ta đã ra khỏi nước nghèo, kém phát triển, đang đẩy mạnhcông nghiệp hoá, hiện đại hoá; có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và thế giới.

Tuy nhiên, khó khăn, thách thức còn nhiều. Trong lãnh đạo, Đảng có lúc cũng phạm sai lầm, khuyết điểm, nhưng vấn đề căn bản là Đảng đã nghiêm túc tự phê bình, sửa chữa, tự đổi mới, chỉnh đốn để tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên.

CÂU HỎI

1. Trình bày hoàn cảnh lịch sử và nội dung Hội nghị hợp nhất các tổ chứccộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?

2. Làm rõ công lao của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời ĐảngCộng sản Việt Nam?

3. Phân tích ý nghĩa một trong những thắng lợi to lớn của Cách mạng ViệtNam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo?

BÀI 4: PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

Giới thiệu:

Đảng ta đã đề ra những đường lối, chủ trương, chính sách để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta thực hiện. Những chủ trương, chính sách đường lối đó là phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay. Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học này.

Mục tiêu:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số quan điểm và giải pháp xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay;

- Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

Nội dung chính:

1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

1.1. Chủ trương phát triển kinh tế, xã hội

1.1.1. Quan điểm phát triển kinh tế-xã hội

Một là, phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững.

Phải phát triển bền vững về kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảođảm an ninh kinh tế. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, coi chất lượng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh là ưu tiên hàng đầu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, phát triển kinh tế tri thức.

Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hoà với phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhândân. Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Nước ta có điều kiện phát triển nhanh và yêu cầu phát triển nhanh đang đặt ra cấp thiết. Phát triển bền vững là cơ sở để phát triển nhanh, phát triển nhanh để tạo nguồn lực cho phát triển bền vững. Phát triển nhanh và bền vững phải luôn gắn chặt với nhau trong quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế-xã hội.

Phải đặc biệt coi trọng giữ vững ổn định chính trị-xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ để bảo đảm cho đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Hai là, đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Kiên trì và quyết liệt thực hiện đổi mới toàn diện và đồng bộ. Đổi mới chính trị phải đồng bộ với đổi mới kinh tế theo lộ trình thích hợp, trọng tâm là hoàn thiệnthể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới phương thức lãnhđạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mở rộng dân chủ trong Đảng và trong

xã hội gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương để thúc đẩy đổi mới toàn diện và phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Ba là, mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người; coi con người làchủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển.

Bảo đảm quyền con ngọời, quyền công dân và các điều kiện để mọi ngọời được phát triển toàn diện. Nâng cao năng lực và tạo cơ chế để nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ, nhất là dân chủ trực tiếp để phát huy mạnh mẽ mọi khả năng sáng tạo và bảo đảm đồng thuận cao trong xã hội, tạo động lực phát triển đất nước. Phát huy lợi thế dân số và con người Việt Nam, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng dụng nhân tài, chăm lo lợi ích chính đáng và không ngừng nângcao đời sống vật chất, tinh thần của mọi người dân, thực hiện công bằng xã hội.

Bốn là, phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất với trình độ khoa học, công nghệ ngày càng cao; đồng thời hoàn thiện quan hệ sản xuất trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hoàn thiện thể chế để tháo gỡ mọi cản trở, tạo điều kiện thuận lợi để giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ; huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển. Phát triển nhanh, hài hoà các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp.

Phải tăng cường tiềm lực và nâng cao hiệu quả của kinh tế nhà nước. Kinh tếnhà nước giữ vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô.

Phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức hợp tác đa dạng mà nòng cốt làhợp tác xã. Khuyến khích phát triển các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh với sở hữu hỗn hợp mà chủ yếu là các doanh nghiệp cổ phần để loại hình kinh tế này trở thành phổ biến, thúc đẩy xã hội hoá sản xuất kinh doanh và sở hữu.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh kinh tế tư nhân trở thành một trong những động lực của nền kinh tế. Khuyến khích kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển theo quy hoạch.

Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch. Phát triển đồng bộ, hoàn chỉnh và ngày càng hiện đại các loại thị trường. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lývà phân phối, bảo đảm công bằng lợi ích, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội.

Năm là, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Phát huy nội lực và sức mạnh dân tộc là yếu tố quyết định, đồng thời tranh thủ ngoại lực và sức mạnh thời đại là yếu tố quan trọng để phát triển nhanh, bền vững và xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế và sức mạnh tổng hợp của đất nước để chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng và có hiệu quả.

Phát triển lực lượng doanh nghiệp trong nước với nhiều thương hiệu mạnh, có sức cạnh tranh cao để làm chủ thị trường trong nước, mở rộng thị trường ngoàinoớc, góp phần bảo đảm độc lập, tự chủ của nền kinh tế. Trong hội nhập quốc tế, phải luôn

chủ động thích ứng với những thay đổi của tình hình, bảo đảm hiệu quả và lợi ích quốc gia.

Ba đột phá chiến lược phát triển kinh tế là: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồnnhân lực chất lượng cao. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại.

1.1.2. Những định hướng lớn phát triển kinh tế, xã hội

Một là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức tổ chức kinh doanh và phân phối.

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển.

Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng ngày càng phát triển. Các yếu tố thị trường được tạo lập đồng bộ, các loại thị trường từng bước được xây dựng, phát triển, vừa tuân theo quy luật củakinh tế thị trường, vừa bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Phân định rõ quyền của người sở hữu, quyền của người sử dụng tư liệu sản xuất và quyền quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, bảo đảm mọi tư liệu sản xuất đều có ngườilàm chủ, mọi đơn vị kinh tế đều tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình.

Quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển; các nguồn lực được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xãhội; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông quahệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

Nhà nước quản lý nền kinh tế, định hướng, điều tiết, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất.

Hai là, phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên, môi trường; xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ.

Coi trọng phát triển các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo cótính nền tảng và các ngành công nghiệp có lợi thế; phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ngày càng đạt trình độ công nghệ cao, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới.

Bảo đảm phát triển hài hoà giữa các vùng, miền; thúc đẩy phát triển nhanh các vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời tạo điều kiện phát triển các vùng có nhiều khó khăn. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Ba là, chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnhmẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kếthợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách; phát triển hàihoà đời sống vật chất và đời sống tinh thần, không ngừng nâng cao đời sống của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất, gắn nghĩa vụ với quyền lợi, cống hiến với hưởng thụ, lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và cộng đồng xã hội.

Bốn là, tạo môi trường và điều kiện để mọi người lao động có việc làm và thu nhập tốt hơn. Có chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ tạo động lực để phát triển; điều tiết hợp lý thu nhập trong xã hội. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá nghèo bền vững; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư. Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội. Thực hiện tốtchính sách đối với người và gia đình có công với nước. Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của thanh niên, thiếu niên, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Chăm lo đời sống người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi. Hạn chế, tiến tới đẩy lùi tội phạm và giảm tác hại của tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số.

1.2. Chủ trương phát triển văn hóa, con người

1.2.1. Quan điểm phát triển văn hóa, con người

Một là, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội.

Hai là, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

Ba là, phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.

Bốn là, xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai tròcủa gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế.

Năm là, xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnhđạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

1.2.2. Định hướng lớn phát triển văn hóa, con người

Một là, xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ.

Làm cho văn hoá gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công

bằng, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao.

Hai là, con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thểphát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân. Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, gia đình, nhà trường, từng tập thể lao động, các đoàn thể và cộng đồng dân cư trong việc chăm lo xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khoẻ, lao động giỏi; sống có văn hoá, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế chân chính.

Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách. Đơn vị sản xuất, công tác, học tập, chiến đấu phải là môi trường rèn luyện phong cách làm việc có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất và hiệu quả cao,bồi đắp tình bạn, tình đồng chí, đồng đội, hình thành nhân cách con người và nền văn hoá Việt Nam.

Ba là, giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hoá và con người Việt Nam.

Phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư phát triển. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội; nâng cao chất lượng theo yêu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá và hội nhập quốc tế, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội và điều kiện cho mọi công dân được học tập suốt đời.

Bốn là, khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên và môi trường, nâng cao năng suất, chấtlượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Phát triển khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hoá,hiện đại hoá đất nước, phát triển kinh tế tri thức, vươn lên trình độ tiên tiến của thếgiới. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ gắn với phát triển văn hoá và nâng cao dân trí. Tăng nhanh và sử dụng có hiệu quả tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước, nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại trên thế giới. Hình thành đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo, trọng dụng nhân tài và đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ.

Năm là, bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toànxã hội và nghĩa vụ của mọi công dân.

Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm soát, ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm với khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch và tiêu dùng sạch. Coi trọng nghiên cứu, dự báo và thực hiện các giải pháp ứng phó với quá trình biến đổi khí hậu và thảm họa thiên nhiên. Quản lý, bảo vệ, tái tạo và sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên quốc gia.

Sáu là, chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnhmẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệTổ quốc.

Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công

bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách; phát triển hài hoà đời sống vật chất và đời sống tinh thần, không ngừng nâng cao đời sống của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất, gắn nghĩa vụ với quyền lợi, cống hiến với hưởng thụ, lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và cộng đồng xã hội.

Tạo môi trường và điều kiện để mọi người lao động có việc làm và thu nhậptốt hơn. Có chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ tạo động lực để phát triển; điềutiết hợp lý thu nhập trong xã hội.

Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá nghèo bền vững; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu-nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư. Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội. Thực hiện tốt chính sách đối với người và gia đìnhcó công với nước. Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của thanh niên, thiếu niên, giáo dục và bảo vệ trẻ em.

Chăm lo đời sống những người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi. Hạn chế, tiến tới đẩy lùi tội phạm và giảm tác hại của tệ nạn xãhội. Bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số.

2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

2.1.1. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

- Định hướng đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế

Mô hình tăng trưởng kinh tế kết hợp có hiệu quả phát triển chiều rộng với chiềusâu, chú trọng phát triển chiều sâu, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh; giải quyết hài hòa giữa mục tiêu trước mắt và lâu dài, giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống vật chất vàtinh thần của nhân dân.

Đổi mới mô hình tăng trưởng chuyển mạnh từ chủ yếu dựa vào xuất khẩu vàvốn đầu tư sang phát triển đồng thời dựa cả vào vốn đầu tư, xuất khẩu và thị trườngtrong nước.

Phát huy vai trò quyết định của nội lực, đồng thời thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài; phát huy đầy đủ, đúng đắn vai trò của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp FDI và khu vực sản xuất nông nghiệp.

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học-công nghệ và đổi mới sáng tạo để nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy nghiên cứu và triển khai, nhập khẩu công nghệ mới; thực hiện phương thức quản lý, quản trị hiện đại; phát huy tiềm năng con người và khuyến khích tinh thần sản xuất kinh doanh của mọi người; chủ động khai thác triệt để lợi thế cạnh tranh, nâng cao giá trị gia tăng, tăngnhanh giá trị quốc gia và tham gia có hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại đồng bộ, tổng thể nền kinh tế và các ngành, các lĩnh vực, tập trung vào các lĩnh vực quan trọng: cơ cấu lại đầu tư với trọng tâm là đầu tư công; cơ cấu lại thị trường tài chính với trọng tâm là hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính, từng bước cơ cấu lại ngân sách nhànước; cơ cấu lại và giải quyết có kết quả vấn đề nợ xấu, bảo đảm an toàn nợ công; cơ cấu lại nông nghiệp

theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, gắn với phát triển kinhtế nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược, nhất là đột phá về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại

Chú trọng những tiêu chí phản ánh trình độ phát triển của nền kinh tế (GDP bình quân đầu người, tỉ trọng giá trị gia tăng công nghiệp chế tạo, tỉ trọng nông nghiệp, tỉ lệ đô thị hóa, điện bình quân đầu người,...) ; những tiêu chí phản ánh trìnhđộ phát triển về mặt xã hội (chỉ số phát triển con người, tuổi thọ bình quân, chỉ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập, số bác sĩ trên 1 vạn dân, tỉ lệ lao động qua đào tạo,...); những tiêu chí về trình độ phát triển về môi trường (tỉ lệ dân số sử dụng nước sạch, độ che phủ rừng, tỉ lệ giảm mức phát thải khí nhà kính,...).

Lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu phát triển kinh tế; huy động và phân bổ có hiệu quả mọi nguồn lực phát triển. Tiến hành các bước từ tạo tiền đề, tạo điều kiện đến đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Phát triển công nghiệp

Xây dựng nền công nghiệp và thương hiệu công nghiệp quốc gia với tầm nhìn trung, dài hạn, có lộ trình cho từng giai đoạn phát triển. Tiếp tục xây dựng, phát triển các ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, tăng hàm lượng khoa học- công nghệ và tỉ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm.

Phát triển có chọn lọc một số ngành công nghiệp chế tạo, chế biến, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, công nghiệp năng lượng, cơ khí, điện tử, hóa chất, công nghiệp xây dựng, xây lắp, công nghiệp quốc phòng, an ninh. Chú trọng phát triển các ngành có lợi thế cạnh tranh; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn; năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và sản xuất vật liệu mới; từng bướớc phát triển công nghệ sinh học, công nghiệp môi trường và công nghiệp văn hóa.

- Phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới

Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm;nâng cao giá trị gia tăng, đẩy mạnh xuất khẩu.

Đẩy nhanh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nền nông nghiệp sinh thái phát triển toàn diện cả về nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, thúc đẩy ứng dụng sâu rộng khoa học-công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin vào sản xuất, quản lý nông nghiệp; tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc giacả trước mắt và lâu dài; nâng cao thu nhập và đời sống của nông dân. Có chính sách phù hợp để tích tụ, tập trung ruộng đất, thu hút mạnh các nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp; từng bước hình thành các tổ hợp nông nghiệp-công nghiệp-dịch vụ công nghệ cao.

Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới và quá trình đô thị hóa một cách hợp lý, nâng cao chất lượng dịch vụ và kết cấu hạ tầng kinh

tế-xã hội, thu hẹp khoảng cách về phát triển giữa đô thị và nông thôn, tăng cường kết nối nông thôn - đô thị, phối hợp các chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn với phát triển công nghiệp, dịch vụ và đô thị.

Phát huy vai trò chủ thể của hộ nông dân và kinh tế hộ; doanh nghiệp trong nông nghiệp, đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nông nghiệp nhà nước; phát triển hợp tác xã kiểu mới, các hình thức hợp tác, liên kết; hình thành các vùng nguyên liệu gắn với chế biến và tiêu thụ.

- *Phát triển khu vực dịch vụ*

Đẩy mạnh phát triển khu vực dịch vụ theo hướng hiện đại, đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn các khu vực sản xuất và cao hơn tốc độ tăng trưởng của cả nền kinh tế. Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thứcvà công nghệ cao như: du lịch, hàng hải, dịch vụ kỹ thuật dầu khí, hàng không, viễn thông, công nghệ thông tin.

Hiện đại hóa và mở rộng các dịch vụ có giá trị gia tăng cao như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, logistics và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Đổi mới và hoàn thiện cơ chế, chính sách giá dịch vụ giáo dục-đào tạo, y tế; phát triển dịch vụ giáo dục-đào tạo, y tế chất lượng cao, dịch vụ khoa học và công nghệ, văn hóa, thông tin, thể thao, dịch vụ việc làm.

Hình thành một số trung tâm dịch vụ, du lịch tầm cơ khu vực và quốc tế, chủ động phát triển mạnh hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ trong nước.

- *Phát triển kinh tế biển*

Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp dầu khí, đánh bắt xa bờ và hậu cần nghề cá, kinh tế hàng hải (kinh doanh dịch vụ cảng biển, đóng và sửa chữa tàu,vận tải biển), du lịch biển, đảo.

Thu hút mạnh mọi nguồn lực đầu tư để phát triển kinh tế biển và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, khai thác tài nguyên biển, đảo một cách bền vững. Tập trung đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động các khu kinh tế ven biển.

- *Phát triển kinh tế vùng, liên vùng*

Thống nhất quản lý, phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đồng thời ưu tiên phát triển các vùng kinh tế động lực, tạo sức lôi cuốn, lan tỏa phát triển đếncác địa phương trong vùng và đến các vùng khác.

Có chính sách hỗ trợ phát triển các vùng còn nhiều khó khăn; phát triển kinhtế lâm nghiệp. Thực hiện quy hoạch vùng, chính sách vùng; sớm xây dựng và thể chế hóa cơ chế điều phối liên kết vùng. Xây dựng một số đặc khu kinh tế để tạocực tăng trưởng và thử nghiệm thể chế phát triển vùng có tính đột phá.

- *Phát triển đô thị*

Đổi mới cơ chế, chính sách, kiểm soát chặt chẽ quá trình phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch. Từng bước hình thành hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thân thiện với môi trường, gồm một số đô thị lớn, nhiều đô thị vừa và nhỏ liên kết và phân bố hợp lý trên các vùng; chú trọng phát triển đô thị miền núi, phát triển mạnh các đô thị ven biển.

Chú trọng phát huy vai trò, giá trị của các đô thị động lực phát triển kinh tế cấp

quốc gia và cấp vùng, đô thị di sản, đô thị sinh thái, đô thị du lịch, đô thị khoa học.

- *Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội*

Ưu tiên và đa dạng hóa hình thức đầu tư cho các lĩnh vực trọng tâm là: Hạ tầng giao thông đồng bộ, có trọng điểm, kết nối giữa các trung tâm kinh tế lớn và giữa các trục giao thông đầu mối; hạ tầng ngành điện bảo đảm cung cấp đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội; hạ tầng thủy lợi đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp và ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; hạ tầng đô thị lớn hiện đại, đồng bộ, từng bước đáp ứng chuẩn mực đô thị xanh của một nước công nghiệp.

2.1.2. Hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã chủ nghĩa

- Tiếp tục thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tếvận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật.

Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinhtế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế, xã hội.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp

Thể chế hóa quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt và hưởng lợi từ sử dụng tài sản của Nhà nước, tổ chức và cá nhân. Bảo đảm công khai, minh bạch về nghĩa vụ và trách nhiệm trong thủ tục hành chính nhà nước và dịch vụ công để quyền tài sản được giao dịch thông suốt.

Mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều phải hoạt động theo cơ chế thị trường, bình đẳng và cạnh tranh theo pháp luật. Khuyến khích đẩy mạnh quá trình khởi nghiệp kinh doanh. Có chính sách thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp Việt Nam cả về số lượng và chất lượng.

Bảo đảm quyền tự do kinh doanh các lĩnh vực mà luật pháp không cấm; xây dựng, thực thi đồng bộ, hiệu quả cơ chế hậu kiểm, tiếp tục hoàn thiện pháp luật về cạnh tranh, tăng cường tính minh bạch đối với độc quyền nhà nước và độc quyền doanh nghiệp, kiểm soát độc quyền kinh doanh. Hoàn thiện thể chế bảo vệ nhà đầu tợ, quyền

sở hữu và quyền tài sản.

Doanh nghiệp nhà nước tập trung vào những lĩnh vực then chốt, thiết yếu; những địa bàn quan trọng và quốc phòng, an ninh; những lĩnh vực mà doanhnghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác không đầu tư. Đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước.

Kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp nhà nước phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Tăng cường quản lý, giámsát, kiểm tra, kiểm soát bảo đảm công khai, minh bạch về đầu tư, tài chính và các hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

Đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công theo hướng nâng cao chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự và tài chính; xã hội hóa lĩnh vực dịch vụ công, thu hút các thành phần kinhtế tham gia vào lĩnh vực này.

Tiếp tục đổi mới nội dung và phoɪơng thức hoạt động của kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã; đẩy mạnh liên kết và hợp tác dựa trên quan hệ lợi ích, áp dụng phương thức quản lý tiên tiến, phù hợp với cơ chế thị trường. Nhà nước có cơ chế,chính sách hỗ trợ về tiếp cận nguồn vốn, đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ, hỗ trợ phát triển thị trường, tạo điều kiện phát triển kinh tế hợp tác xã trên cơ sở phát triển và phát huy vai trò của kinh tế hộ.

Khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp, các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh với sở hữu hỗn hợp, nhất là các doanh nghiệp cổ phần. Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo thuận lợi phát triển mạnh kinh tế tư nhân phát triển ở các ngành và lĩnh vực kinh tế.

Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp. Khuyến khích hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân đa sở hữu và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước.

Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, chú trọng chuyển giao công nghệ, trình độ quản lý tiên tiến và thị troɪờng tiêu thụ sản phẩm; chủ động lựa chọn và có chính sách ưu đãi đối với các dự án đầu tư nước ngoài có trìnhđộ quản lý và công nghệ hiện đại, có vị trí hiệu quả trong chuỗi giá trị toàn cầu. Trong quản lý, cần phát huy mặt tích cực của các doanh nghiệp, đồng thời kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thực hiện công khai, minh bạch, ngăn chặn mặt tiêu cực.

- Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường

Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường; bảo đảm tính đúng, tính đủ và công khai, minh bạch các yếu tố hình thành giá đối với hàng hoá, dịch vụ côngthiết yếu; có chính sách hỗ trợ phù hợp cho đối tượng chính sách, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số.

Xây dựng và thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với người tiêu dùng và đối với môi trường. Đẩy mạnh hoàn thiệnthể chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, kiên quyết đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại.

Tiếp tục phát triển đồng bộ và vận hành thông suốt các loại thị trường. Thựchiện đa dạng hóa thị trường hàng hóa, dịch vụ theo hướng hiện đại, chú trọng hình thành khung pháp lý, phát triển hệ thống phân phối thông suốt và hiệu quả.

Cơ cấu lại thị trường tài chính, bảo đảm lành mạnh hóa và ổn định vững chắc kinh tế vĩ mô; bảo đảm nguyên tắc thị trường đối với thị trường tài chính gắnvới tăng cường quản lý, kiểm tra, kiểm soát của Nhà nước và giám sát của xã hội; phát triển thị trường mua bán nợ, cho thuê tài sản.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách để thị trường bất động sản vận hành thông suốt, khai thác, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn lực từ đất đai và tài sản, kết cấu hạ tầng trên đất; ngăn ngừa đầu cơ, lãng phí.

Tiếp tục đổi mới, phát triển mạnh mẽ và đồng bộ thị trường khoa học-công nghệ, có chính sách hỗ trợ để khuyến khích các tổ chức, cá nhân, nhất là doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học-công nghệ vào sản xuất kinh doanh.

- *Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế*

Chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ kinh tế quốc tế, tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác cụ thể; kết hợp hiệu quả ngoại lực và nội lực, gắn hội nhập kinh tế quốc tế với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm thực thi có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết. Hoàn thiện thể chế để tận dụng cơ hội và phòng ngừa, giảm thiểu các thách thức do tranh chấp quốc tế, nhất là tranh chấp thương mại, đầu tư quốc tế.

Nâng cao năng lực hoạch định đường lối phát triển kinh tế-xã hội của Đảng;tăng cường lãnh đạo thể chế hoá và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về kinh tế - xã hội; tăng cường công tác tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực hiện đường lối của Đảng; lãnh đạo việc bố trí cán bộ và lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện của đội ngũ cán bộ hoạt động trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Nâng cao năng lực và hiệu quả công tác tham mưu về kinh tế - xã hội ở các cấp, các ngành.

Nhà nước thể chế hóa nghị quyết của Đảng, xây dựng, tổ chức thực hiện pháp luật, chính sách, bảo đảm các loại thị trọờng ngày càng hoàn thiện và vận hành thông suốt, cạnh tranh công bằng, bình đẳng và kiểm soát độc quyền kinh doanh; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát huy vai trò làm chủ của nhândân; bảo đảm quyền tự do, dân chủ trong hoạt động kinh tế của người dân theo quyđịnh của Hiến pháp, pháp luật và sự tham gia có hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội trong xây dựng và giám sát việc thực hiện thể chế kinh tế và phát triển kinh tế-xã hội.

2.1.3. Quản lý, phát triển xã hội, thực hiện công bằng xã hội

Nhận thức sâu sắc vị trí, tầm quan trọng của phát triển xã hội bền vững và quản lý phát triển xã hội đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng, thực hiện các chính sách phù hợp với các giai tầng xã hội; có các giải pháp quản lý hiệu quả để giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội, ngăn chặn, giải quyết có hiệuquả những vấn đề xã hội bức xúc, mâu thuẫn có thể dẫn đến xung đột xã hội.

Quan tâm thích đáng đến các tầng lớp, bộ phận yếu thế trong xã hội, khắc phục xu hướng gia tăng phân hóa giàu-nghèo, bảo đảm sự ổn định và phát triển xã hội bền vững. Thực hiện các giải pháp, chính sách và quản lý để khắc phục từng bước sự mất

cân đối về phát triển đối với từng lĩnh vực, từng vùng.

Kịp thời kiểm soát và xử lý các rủi ro, mâu thuẫn, xung đột xã hội. Đẩy mạnh các giải pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội; giảm thiểu tai nạn giao thông; bảo đảm an toàn xã hội, an ninh con người.

Gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Thực hiện tốt chính sách chăm sóc người có công trên cơ sở huy động mọi nguồn lực xã hội kết hợp với nguồn lựccủa Nhà nước; bảo đảm người có công có mức sống từ trung bình trở lên.

Giải quyết tốt lao động, việc làm và thu nhập cho ngươịời lao động, bảo đảm an sinh xã hội. Tạo cơ hội để mọi người có việc làm và cải thiện thu nhập. Khuyếnkhích đầu tư xã hội tạo ra nhiều việc làm, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách về tiền lương, tiền công, khắcphục cơ bản những bất hợp lý. Điều chỉnh chính sách dạy nghề, gắn đào tạo với sử dụng. Điều chỉnh chính sách xuất khẩu lao động hợp lý. Hoàn thiện và thực hiện chính sách bảo hộ lao động.

Tiếp tục hoàn thiện chính sách an sinh xã hội phù hợp với quá trình pháttriển kinh tế-xã hội. Mở rộng đối tượng và nâng cao hiệu quả của hệ thống an sinh xã hội đến mọi người dân; tạo điều kiện để trợ giúp có hiệu quả cho tầng lớp yếu thế, dễ tổn thương hoặc những người gặp rủi ro trong cuộc sống. Phát triển và thựchiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn laođộng,...

Đổi mới chính sách giảm nghèo theo hướng tập trung, hiệu quả và tiếp cận phương pháp đo lường nghèo đa chiều nhằm bảo đảm an sinh xã hội cơ bản và tiếpcận các dịch vụ xã hội cơ bản. Phát triển đa dạng các hình thức từ thiện, đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia giúp đỡ những người yếu thế.

Coi trọng chăm sóc sức khoẻ nhân dân, công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em; xây dựng gia đình hạnh phúc.

Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình, chếđộ thai sản, nghỉ dưỡng, khám, chữa bệnh, bình đẳng giới. Thực hiện tốt chiến lượcdân số, gia đình, chương trình hành động vì trẻ em.

Huy động các nguồn lực, tiếp tục xây dựng, phát triển hệ thống bệnh viện, trạm y tế, phòng khám bệnh, coi trọng chăm sóc sức khoẻ ban đầu. Phát triển hệ thống y tế dự phòng và các dịch vụ y tế hiện đại. Phát triển y học dân tộc. Tiếp tục thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế cho toàn dân, đổi mới cơ chế tài chính gắn với nâng cao chất lượng dịch vụ y tế.

Có chính sách hợp lý trong đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển và đãi ngộ thỏa đáng đối với đội ngũ cán bộ y tế. Tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển con người, chính sách chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ bà mẹ, trẻ em.

Phát triển thể dục, thể thao toàn dân để góp phần nâng cao sức khoẻ chonhân dân, đồng thời làm cơ sở để phát triển thể thao thành tích cao.

2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

2.2.1. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện

Chăm lo xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách.

Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật, mọi người Việt Nam đều hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc.

Hướng các hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học vào việc xây dựng con người có thế giới quan khoa học, hướng tới chân-thiện-mỹ. Gắn xây dựng, rèn luyện đạo đức với thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Nâng cao trí lực, bồi dưỡng tri thức cho con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, của kinh tế tri thức và xã hội học tập. Đúc kết và xây dựng hệ giá trị chuẩn của conngười Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Xây dựng và phát huy lối sống "*Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người*"; hình thành lối sống có ý thức tự trọng, tự chủ, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ môi trường; kết hợp hài hòa tính tích cực cá nhân và tínhtích cực xã hội; đề cao trách nhiệm cá nhân đối với bản thân, gia đình và xã hội. Khẳng định, tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; nhân rộng các giátrị cao đẹp, nhân văn.

Tăng cường giáo dục nghệ thuật, nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ cho nhân dân, đặc biệt là thanh niên, thiếu niên. Phát huy vai trò của văn học-nghệthuật trong việc bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm của con người. Bảo đảm quyền hưởng thụ và sáng tạo văn hóa của mỗi người dân và của cộng đồng.

Nâng cao thể lực, tầm vóc con người Việt Nam, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng sống, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống cácquan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làmtha hóa con người. Có giải pháp khắc phục những mặt hạn chế của con người ViệtNam.

2.2.2. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh

Mỗi địa phương, cộng đồng, cơ quan, đơn vị, tổ chức phải là một môi trườngvăn hóa lành mạnh, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, lối sống.Gắn kết xây dựng môi trường văn hóa với bảo vệ môi trường sinh thái. Đa nội dung giáo dục đạo đức con người, đạo đức công dân vào các hoạt động giáo dục của xã hội.

Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, xây dựng gia đình thực sự là nơi hình thành, nuôi dưỡng nhân cách văn hóa và giáo dục nếp sống cho con người. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ,hạnh phúc, văn minh. Xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu, có nền nếp, ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau.

Xây dựng mỗi trường học phải thực sự là một trung tâm văn hóa giáo dục, rèn luyện con người về lý tưởng, phẩm chất, nhân cách, lối sống; giáo dục truyền thống văn hóa cho thế hệ trẻ.

Xây dựng đời sống văn hóa ở địa bàn dân cư, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đoàn kết, dân chủ, văn minh, đạt chuẩn thực chất về văn hóa; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng nếp sống văn hóa tiến bộ, văn minh, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Nâng cao chất lươợng, hiệu quả các cuộc vận độngvăn hóa, phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa".

Gắn các hoạt động văn hóa với phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng,

an ninh, với chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Từng bước thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền, giữa các giai tầng xã hội, giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi, vùng sâu, vùng xa. Xây dựng, hoàn thiện đi đôi với nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa. Tạo điều kiện để nhân dân chủ động tổ chức các hoạt động văn hóa cộng đồng.

Phát huy các giá trị, nhân tố tích cực trong văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng; khuyến khích các hoạt động tôn giáo gắn bó với dân tộc, hướng thiện, nhân đạo, nhân văn, tiến bộ, "tốt đời, đẹp đạo". Khuyến khích các hoạt động "đền ơn đáp nghĩa", "uống nước nhớ nguồn", từ thiện, nhân đạo.

2.2.3. Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế

Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trịtrong sạch, vững mạnh. Trong đó, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảngviên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, tận tuỵ, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, gắn bó máu thịt với nhân dân; có ý thức thượng tôn pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương; tự do cá nhân gắn với trách nhiệm xã hộivà nghĩa vụ công dân.

Ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên.

Thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế. Con người thực sựlà trung tâm trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội. Tạo lập môi trường văn hóa pháp lý, thị trường sản phẩm văn hóa minh bạch, tiến bộ, hiện đại để các doanh nghiệp tham gia xây dựng, phát triển văn hóa. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp,văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững và bảo vệ Tổ quốc.

Phát huy ý thức và tinh thần dân tộc, động viên toàn dân, trước hết là các doanh nghiệp, doanh nhân xây dựng và phát triển các thương hiệu Việt Nam có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế.

2.2.4. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa

Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc.

Xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế-xã hội. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử- văn hóa tiêu biểu, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế; gắn kết bảo tồn, pháthuy di sản văn hóa với phát triển du lịch. Phục hồi và bảo tồn một số loại hìnhnghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một. Phát huy các di sản đoợc UNESCO công nhận, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam.

Phát triển đi đôi với giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; khắc phục tình trạng lạm dụng tiếng nước ngoài. Giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số, nhất là tiếng nói, chữ viết, trang phục, lễ hội truyền thống; các giá trị văn hóa tích cực trong tôn giáo, tín ngưỡng.

Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật, tạo mọi điều kiện cho sự tìm tòi, sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ để có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật, thấm

nhuần tinh thần nhân văn, dân tộc, dân chủ, tiến bộ, phản ảnh chân thật, sinh động, sâu sắc đời sống, lịch sử dân tộc và công cuộc đổi mới đất nước. Đẩy mạnh sáng tác, quảng bá tác phẩm, công trình về đề tài cách mạng, kháng chiến, lịch sử dân tộc, công cuộc đổi mới đất nước. Từng bước xây dựng hệ thống lý luận văn học, nghệ thuật Việt Nam.

Đổi mới phương thức hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật nhằm tập hợp, tạo điều kiện để văn nghệ sĩ hoạt động tích cực, hiệu quả. Khuyến khích nhân dân sáng tạo, trao truyền và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc.

Có cơ chế khuyến khích văn nghệ sĩ, nghệ nhân phát huy tài năng, năng lực sáng tác, quảng bá văn học, nghệ thuật với ý thức đầy đủ về trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của mình. Trọng dụng, tôn vinh trí thức, văn nghệ sĩ, nghệ nhân trên cơ sở cống hiến cho đất nước. Chú trọng phát triển năng khiếu và tài năng trẻ.

Quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống báo chí đáp ứng yêu cầu phát triển, bảo đảmthiết thực, hiệu quả. Chú trọng công tác quản lý các loại hình thông tin trên mạng Internet để định hướng tư tưởng và thẩm mỹ cho nhân dân, nhất là cho thanh niên,thiếu niên. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và cơ chế đầu tư theo hướngưu tiên các cơ quan báo chí, truyền thông chủ lực. Các cơ quan truyền thông phải thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ chủ yếu; nâng cao tính tư tưởng, nhân văn và khoa học, góp phần xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam.

2.2.5. Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa

Phát triển công nghiệp văn hóa nhằm khai thác và phát huy những tiềm năngvà giá trị đặc sắc của văn hóa Việt Nam; khuyến khích xuất khẩu sản phẩm văn hóa, góp phần quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới.

Có cơ chế khuyến khích đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và côngnghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm văn hóa. Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch thu hút các nguồn lực xã hội để phát triển.

Đổi mới, hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để xây dựng, phát triển thị trường văn hóa và công nghiệp văn hóa.

Nâng cao ý thức thực thi các quy định pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan trong toàn xã hội. Củng cố và tăng cường hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý và cơ quan thực thi quyền tác giả từ Trung ương đến địa phương.

2.2.6. Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

Chủ động mở rộng hợp tác văn hóa với các nước, thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực; tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phúthêm văn hóa dân tộc.

Phát huy tài năng, tâm huyết của trí thức, văn nghệ sĩ người Việt Nam ở nước ngoài trong việc tham gia phát triển văn hóa của đất nước, trở thành cầu nối quảng bá hình ảnh đất nước, văn hóa, con người Việt Nam. Chú trọng truyền bá văn hóa Việt Nam, dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài ở Việt Nam. Xây dựng một số trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài và trung tâm dịch thuật, quảng bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài.

Chủ động đón nhận cơ hội phát triển, vượt qua các thách thức để giữ gìn, hoàn

thiện bản sắc văn hóa dân tộc; hạn chế, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực,mặt trái của toàn cầu hóa về văn hóa.

Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển văn hóa đối ngoại; hỗ trợ quảng bá nghệ thuật quốc gia và xuất khẩu các sản phẩm văn hóa ra nước ngoài.

CÂU HỎI

1. Trình bày những giải pháp phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôngắn với xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam?

2. Làm rõ nhận thức mới về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa?

3. Làm rõ tính chất tiên tiến và bản sắc dân tộc của nền văn hóa Việt Namđang được xây dựng?

4. Trình bày những phương hướng lớn xây dựng và phát triển con người mớiở Việt Nam?

BÀI 5: TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

Giới thiệu:

Bản thân mỗi chúng ta ai cũng muốn mình được hoàn thiện, vậy như thế nào thì được gọi là một người công dân tốt cũng như người lao động tốt và cách tu dưỡng rèn luyện để hoàn thiện bản thân là như thế nào? chúng ta cùng tìm hiểu bài học này.

Mục tiêu:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;

- Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

Nội dung chính:

1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

1.1. Người công dân tốt

Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam. Người công dân tốt là người thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ cơ bản củacông dân. Hiến pháp năm 2013, quy định quyền và nghĩa vụ công dân do Hiếnpháp và pháp luật quy định. "*Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ công dân*". Bao gồm những quyền và nghĩa vụ cơ bản sau:

Mọi người có quyền sống, bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm; có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình; bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác.

Công dân có quyền có nơi ở hợp pháp; quyền tự do đi lại và cư trú; quyềntự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn. Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau.

Lao động là quyền và nghĩa vụ của công dân. Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm, nơi làm việc, quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật; quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, thừa kế, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất; thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy địnhcủa pháp luật.

Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận,kiến nghị với cơ quan nhà nước các vấn đề chung của cơ sở, địa phương và cả nước; công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử, đủ hai mươi mốt tuổi trởlên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo quy định của phápluật; nghĩa vụ thiêng liêng của công dân là trung thành và bảo vệ Tổ quốc Cộnghòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

Thanh niên được Nhà nước, gia đình và xã hội tạo điều kiện học tập, lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ, bồi dưỡng đạo đức, truyền thống dân tộc, ýthức công dân; đi đầu trong công cuộc lao động sáng tạo và bảo vệ Tổ quốc.

Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập; quyền nghiên cứu khoa học, phát minh, sáng chế, sáng tạo văn học, nghệ thuật; quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp; chế độ chăm sóc sức khoẻ y tế và thực hiện nghĩa vụ về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh

Công dân có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân, góp phần thực hiệntiến bộ và công bằng xã hội; Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng.

Sinh viên được đào tạo nghề phải thể hiện mình là người có kiến thức, có kỹnăng, có hành động đúng với quy tắc xử sự văn minh, để trở thành một người côngdân tốt.

1.2. Người lao động tốt

Lao động là hoạt động sản xuất của con người, tạo ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần của xã hội. Lao động trí óc hoặc chân tay đều rất vinh quang. Người lao động tốt là người công dân tốt có khả năng lao động tốt. Tiêu chí chungnhất của người lao động tốt được thể hiện trong sự rèn luyện, phấn đấu: Đối với chính mình; Đối với mọi người. Cụ thể:

- *Đối với chính mình:* Người lao động tốt là có phẩm chất chính trị vững vàng, trung với nước, hiếu với dân, có tinh thần tự cường dân tộc; có tình thương yêu con người, có đạo đức nghề nghiệp trong sáng, có lối sống lành mạnh: Cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư.

Người lao động tốt là người có tình yêu yêu nghề, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp, say mê, nhiệt tình nghiên cứu, tìm tòi sáng tạo, nhiệt tình cống hiến; có tính tự chủ, có trách nhiệm cá nhân với công việc. Chấp hành nghiêm những quy định về thời gian, quy trình công nghệ quy định; biết tiết kiệm thời gian, sức lực, tiết kiệm nguyên vật liệu, giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường, tự giác chấp hành kỷluật lao động, nội quy an toàn lao động.

Ngoài ra, người lao động cần biết rèn luyện thể lực để có đủ điều kiện sức khỏe làm việc tốt theo ngành nghề của mình.

- *Đối với công việc:* Người lao động tốt là người được đào tạo nghề thông qua trường lớp hoặc truyền nghề. Về mặt quản lý nhà nước, thể hiện qua văn bằng,chứng chỉ cấp cho họ theo luật giáo dục nghề nghiệp. Đây cũng là một trong nhữngcơ sở xác định vị trí việc làm, mức lương của người lao động. Điều căn bản trên thực tế, là người lao động tay nghề thuần thục, có trách nhiệm, có sáng tạo, có kỹ thuật, có trình độ tay nghề ngày càng cao, có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ lao động, phương tiện ngày càng hiện đại, tạo ra năng suất lao động ngày càng cao làm lợi cho doanh nghiệp, cho bản thân mình và cho xã hội.

Người lao động tốt đọợc đào tạo và sử dụng ngoại ngữ ở mức độ nhất định để phục vụ tốt ngành nghề được đào tạo, có khả năng ứng dụng sự phát triển của cách mạng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin để thích ứng với tiêu chuẩn vị trí việc làm của các nước khu vực và trên thế giới.

- *Đối với mọi người, n*gười lao động tốt là người sống có tinh thần tập thể; có khả năng làm việc theo nhóm hoặc độc lập nhưng biết quan tâm vì lợi ích chung"mình vì mọi người". Đó là người biết tôn trọng và hợp tác với người mọi người trong lao động, tự chủ trong công việc, đoàn kết với tập thể, có ứng xử đúng mực, có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp trong lao động; có tinh thần hợp tác với bạn bè, người lao động các nước trên thế giới.

Các tiêu chí cơ bản trên thể hiện yêu cầu về hai mặt "Đức và Tài", "Hồngvà Chuyên" của người lao động tốt.

2. Nội dung tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

Thời gian học tập trong nhà trường có vai trò rất quan trọng đối với học sinh, sinh viên để trang bị kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ nghề nghiệp,lối sống đạo đức cần thiết trở thành người công dân tốt và người lao động tốt. Để đạt được mục tiêu này mỗi học sinh, sinh viên cần hoàn thành tốt các nhiệm vụ họctập, rèn luyện, theo các định hướng sau đây:

2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

Dân tộc Việt Nam trong tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước, sự gắn bó giữa các thành viên trong gia đình, tình làng nghĩa xóm, hình thành tính cố kết công đồng, hun đúc nên tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường của mỗi người dân. Truyền thống dân tộc, là bài học lịch sử quý báu truyền trao cho thế hệ sau nhằm hình thành những phẩm chất đạo đức tốt của mỗi người dân, tiếp nối truyền thống yêu nước hào hùng, xây dựng lòng tự hào dân tộc.

Người học cần nhận thức rõ đất nước là của dân, do dân, vì dân. Trách nhiệm của người dân trong công cuộc đổi mới là tương lai của dân tộc, hạnh phúc của mỗi gia đình. Bởi vậy, mỗi người học cần phải:

- Tu dưỡng ý chí, tiếp nối truyền thống yêu nước, biết điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội; xác định quyền hạn, trách nhiệm và thực hiện nghĩa vụ của người công dân.

- Có lòng nhân ái, yêu thương, nhân nghĩa, đoàn kết, trân trọng các giá trị đạo đức nền tảng.

- Có trách nhiệm xây dựng lối sống lành mạnh và nơi làm việc văn minh để phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Biết phê phán những hủ tục, lạc hậu cũng như phê bình chủ nghĩa cá nhân,trục lợi bản thân, tránh xa các tệ nạn xã hội.

- Có động cơ học tập đúng, chọn ngành nghề phù hợp với năng lực và lòng đam mê để có thể làm việc tốt nhất, có đạo đức nghề nghiệp và thích ứng với sự phát triển của khoa học công nghệ.

2.2. Phấn đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

Những tiêu chí của người lao động có đức, có tài, có kiến thức chuyên môn không

thể có ngay mà là quá trình tu dưỡng, rèn luyện mà hình thành. Các tiêu chí đó tập trung vào 3 nội dung chủ yếu sau:

2.2.1. Tu dưỡng và rèn luyện về phẩm chất chính trị

Trước hết là tu dưỡng rèn luyện để bồi đắp tinh thần yêu nước, trung với nước, hiếu với dân; tin tưởng và đi theo con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta ta đã chọn. Đó là kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định đường lối đổi mới của Đảng. Tu dưỡng bản lĩnh chính trị với mỗi sinh viên là sự vững vàng, không dao động trước mọi khó khăn, gian khổ; kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu và hoạt động sai trái "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Bản lĩnh chính trị của người học chỉ có được thông qua hoạt động thực hiệnchủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quychế của nhà trường; thông qua quá trình học tập, hoạt động chính trị-xã hội trong nhà trường, có quan điểm, thái độ, chính kiến rõ ràng, đúng mực trọước tình hình đất nước.

Qua trải nghiệm thực tiễn học nghề, thực tế sản xuất, tiếp xúc với môi trường xã hội, mỗi người học mới tích lũy hiểu biết về mọi mặt, trở nên vững vàng, kiên định. Bởi vậy cần tích cực học tập, nâng cao trình độ về mọi mặt, tích lũy kiếnthức và kinh nghiệm, làm giàu vốn hiểu biết của mình. Cùng với rèn luyện bản lĩnhchính trị, cần thường xuyên trau dồi đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân,ích kỷ.

Mỗi người học cần xác định động cơ học tập, rèn luyện đúng đắn. Học là để có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp để thành người công dân tốt, người lao động tốt. Khi có động cơ học tập đúng, chọn ngành nghề phù hợp với năng lực và lòng đam mê để có thể làm việctốt nhất, rèn luyện kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp, ý thức chấp hành kỷ luật, chấp hành nội quy, quy chế của tổ chức, hình thành tác phong công nghiệp thích ứng vớisự phát triển của cách mạng khoa học công nghệ hiện đại.

Cần thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của người công dân; thấy được sự quan tâm của Nhà nước, xã hội của nhà trường đào tạo nghề, của giađình đối với việc học tập của mình. Từ đó có ý thức nâng cao trách nhiệm củabản thân, tích cực cần cù, chăm chỉ, kiên trì, sáng tạo, tự giác và giữ kỷ luật trong học tập và rèn luyện.

Hiện tại trong việc học tập và rèn luyện, mỗi người học cần nhận thức rõ quyền và nghĩa vụ cụ thể của mình khi đến lớp, khi tự nghiên cứu, khi ở ở trường, đi thực tế và ở ngoài xã hội.

2.2.2. Tu dưỡng và rèn luyện về đạo đức, lối sống, sức khỏe

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh "Có đạo đức cách mạng thì khi gặp khó khăn, gian khổ, thất bại, cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước... khi gặp thuận lợi và thành công cũng vẫn giữ vững tinh thần gian khổ, chất phác, khiêm tốn, "lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ"; lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt chứ không kèn cựa về mặt hưởng thụ; không công thần, không quan liêu, không kiêu ngạo". Mỗi người học cần góp phần thực hiện tốt cuộc vận động "Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh: Rèn luyện bản lĩnh chính trị, trung với nước, hiếu với dân, có tinh thần tự cường dân tộc, có tinh thần nhân ái, đoàn kết, có thương yêu quý trọng con người, nhất là người lao động nghèo khổ. Yêu thương con người phải Cần có tinh thần phê bình và tự phê; phân biệt đúng sai, tôn trọng lẽ phải; thực hiện tự phê bình, phê bình

chân thành, giúp nhau sửa chữa khuyết điểm.

Mỗi người học cần biết điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức công dân; rèn luyện lối sống lành mạnh *"Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư"*. theo Hồ Chí Minh: "*Cần* là lao động cần cù, siêng năng; lao động có kế hoạch, sáng tạo, có năng suất cao; lao động với tinh thần tự lực cánh sinh, không lười biếng, không ỷ lại, không dựa dẫm. Phải thấy rõ lao động là nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của mỗi con người.

Kiệm là tiết kiệm sức lao động, tiết kiệm thì giờ, tiết kiệm tiền của dân, của nước, của bản thân mình, tiết kiệm từ cái to đến cái nhỏ. *Liêm* là luôn tôn trọng, giữ gìn của công và sống trong sạch. "Không tham tiền tài. Không tham sung *sướng. Không ham người tâng bốc mình..."*[6]*. Chính là không tà, là thẳng thắn,* đúng đắn; không tự cao, tự đại; đối với người không nịnh trên, khinh dưới, không đối trá, lừa lọc, luôn giữ thái độ chân thành, khiêm tốn, đoàn kết. Đối với việc thìđể việc công lên trên, tên trợớc việc tợ, việc nhà. *Chí công* vô tư là đem lòng chí công vô tư đối với người, với việc, "khi làm bất cứ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước, mà phải nghĩ đến đồng bào, đến toàn dân.

Cần, kiệm, liêm, chính có quan hệ chặt chẽ với nhau và với chí công vô tư. Cần, kiệm, liêm, chính sẽ dẫn đến chí công vô tư. Ngược lại, đã chí công vô tư, một lòng vì nước, vì dân, vì đất nước thì sẽ thực hiện được cần, kiệm, liêm, chính.

Mỗi người học cần rèn luyện đức tính cần cù, chăm chỉ, kiên trì, sáng tạo, tựgiác và giữ kỷ luật trong học tập và rèn luyện. Giữ gìn đạo đức nghề nghiệp, yêu lao động và tôn trọng lao động của người khác. Tham gia tích cực các hoạt động đoàn thể; các hoạt động xã hội; bảo vệ và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài sản của cá nhân, của tập thể, của Nhà nước và xã hội.

Mỗi người học luôn xác định quyền hạn, trách nhiệm và thực hiện nghĩa vụ trách nhiệm bản thân, xây dựng lối sống lành mạnh ở nhà trường và ngoài xã hội. Xây dựng lối sống trung thực, tự tin vào bản thân, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, phấn đấu vượt qua những khó khăn thử thách, chống chạy theo chủ nghĩa cá nhân, vụ lợi; không gian lận trong học tập và tiêu cực trong cuộc sống, tránh xa cácthói hư tật xấu, các tệ nạn xã hội và những cám dỗ thấp hèn để đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện.

2.2.3. Tu dưỡng, rèn luyện về văn hóa, nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp

Xã hội càng phát triển, càng có nhiều ngành nghề đào tạo, nghề nào cũng quý,nghề nào cũng ngày càng đổi mới và phát triển. Mỗi học sinh khi đã chọn nghề, cầnrèn tình yêu nghề, say mê với nghề mà tích cực học tập toàn diện. Các cơ sở đào tạođã luôn bám sát cuộc sống, phối hợp với doanh nghiệp để đưa chương trình đào tạosát với thực tế nhu cầu xã hội, sát với trình độ tiên tiến của thế giới. Sự chủ động của nhà trường trong công tác kết nối với doanh nghiệp, để giúp người học có nơi thựctập, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, tìm việc làm đúng với chuẩn đầu ra. Bởi vậy mỗi sinh viên phải không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp. Học nghề nào phải phấn đấu để giỏi nghề đó.

Tuy nhiên, học tập để có bằng cấp, chứng chỉ nghề mới là điều kiện cần nhưng chưa đủ. Cuộc sống vốn rất phong phú nên mỗi người học phải không ngừngnâng cao

[6] Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Sđđ, t.5, tr.292

trình độ về mọi mặt, hiểu biết, tích lũy thêm về lý luận chính trị, các môn khoa học cơ bản, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật, khoa học và côngnghệ thông tin, ngoại ngữ, tin học... Trừ một số bẩm sinh, còn đại đa số các thiên tàilà do cần cù, thông minh do tích lũy mà nên. Người học sinh học ở trường, ở lớp, học thầy vẫn chưa đủ, cần học qua sách vở tham khảo, học trong thực tiễn, học lẫn nhau, học nhân dân và biết tự học.

Tích cực chủ động tìm hiểu khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, rèn luyện sức khỏe đảm bảo để trở thành lực lượng lao động tiến bộ, rèn luyện tác phong công nghiệp, thích ứng với yêu cầu phát triển của cách mạng khoa học và công nghệ, vì cầu phát triển của bản thân, hạnh phúc gia đình và phồn vinh của đất nước.

Tựu trung lại, người học sinh được đào tạo nghề phải thạo nghề, tư duy sángtạo, áp dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công việc, có kỹ năng giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa cá nhân, tập thể và xã hội. Thực hiện tốt các chuẩn mực đạo đức cơ bản như: Hiếu kính đối với ông bà, cha mẹ; yêu thương, nhường nhịn anh em; nghiêm khắc với bản thân, hòa đồng với bạn bè; kiên trì học tập, say mê nghiên cứu; bảo vệ môi trường; chấp hành luật pháp.

2.2.4. Tu dưỡng, rèn luyện về tinh thần trách nhiệm: với công việc, với gia đình, với cơ quan, đơn vị, cộng đồng và toàn xã hội

Đây là nội dung tu dưỡng, rèn luyện về trách nhiệm các nhân trong các mối quan hệ xã hội; yêu cầu mỗi người trong xã hội vừa có trách nhiệm với bản thân vàcó trách nhiệm với xã hội.

Nội dung tu dưỡng rèn luyện trong các mối quan hệ xã hội là làm tốt vị trí, vai trò, trách nhiệm của cá nhân trong các quan hệ xã hội đó. Với công việc, cần xác định mình là một mắt khâu trong dây chuyền hoạt động làm ra sản phẩm cho xã hội để hoàn thành công việc được giao, đúng yêu cầu chất lượng, thời gian, hiệuquả và tiết kiệm. Với gia đình cần xác định trách nhiệm của cá nhân trong xây dựng gia đình hạnh phúc, trách nhiệm với vợ (chồng), con cái, cha mẹ, họ hàng nội ngoại… để phấn đấu rèn luyện, giữ gìn. Với cơ quan đơn vị, xác định rõ mình là một thành viên, có lợi ích chung trong hoạt động của cơ quan đơn vị để tham gia xây dựng cơ quan đơn vị vững mạnh, có văn hóa, thu nhập cao. Với cộng đồng,cần xác định rõ trách nhiệm tham gia các sinh hoạt chung, góp phần mình vào xây dựng quê hương, nơi cư trú có môi trường tự nhiên và xã hội xanh, sạch, đẹp, văn minh, thân thiện, đoàn kết. Với toàn xã hội, là rèn luyện trở thành người công dân tốt, có trách nhiệm, tuân thủ tự giác các quy định của pháp luật, thực hiện quyền vàtrách nhiệm làm chủ của mỗi công dân…

CÂU HỎI

1. Trình bày quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt?

2. Cần phải làm gì và như thế nào để tu dưỡng và rèn luyện trở thành ngườicông dân tốt, người lao động tốt?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng "về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân"

2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), ưdẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94- KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng "về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân"

3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đạihội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), sổ tay các văn bản hợướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật

5. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

6. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ- BLĐTBXH ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình Các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày7/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp

9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), Giáo trình Triết học Mác-Lênin

10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), Giáo trình Kinh tế chính trị học Mác-Lênin

11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học

12. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

13. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh

14. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứXII của Đảng

15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011) Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng. Nxb. CTQG, HN

16. Đảng CSVN (2014), Văn kiện Hội nghị lần thứ 9 BCH Trung ương, khóa XI, Nxb CTQG, Hội nghị

17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016) Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng., Nxb. CTQG, HN

18. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận-Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chínhtrị, Hà Nội

19. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận-Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội

20. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận-Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội

21. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận-Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội

22. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận-Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội

23. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội

24. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam